

**LỜI MỞ ĐẦU**

Trong những năm gần đây, diễn biến về giá và lượng cung cấp xăng dầu từ các nước cung cấp có nhiều diễn biến phức tạp. Điều này có tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế trong và ngoài khu vực. Ngành xăng dầu Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng to lớn. Thêm vào đó là những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu hóa, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt hơn, nhất là khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Nằm trong vòng xoáy đó, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có nhiều cơ hội vô cùng quý báu đi kèm nhiều thử thách khó khăn. Do đó, mỗi doanh nghiệp phải tự chuyển mình, phải nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao từ đó mới có đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cũng như đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Trong bất cứ hoạt động nào, để đạt được hiệu quả tối ưu thì đòi hỏi phải có một hệ thống quản lý chặt chẽ và hoạt động có hiệu quả mà trong đó, kế toán đóng một vai trò hết sức quan trọng. Đây chính là công cụ phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời là công cụ quản lý sắc bén không thể thiếu trong quá trình cung cấp những thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của các cấp lãnh đạo.

Qua nhiều năm hoạt động, đơn vị đã từng bước khẳng định mình trên thương trường, giữ vững được vị thế của mình trên thị trường và việc đẩy mạnh công tác kế toán chi phí, tiêu thụ cũng như xác định đúng kết quả kinh doanh là vấn đề có ý nghĩa rất thiết thực.

Với nhận thức trên và qua thời gian thực tập tại đơn vị, em quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài sau:

**“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu xí nghiệp kinh doanh xăng dầu”**

Nội dung đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh (kết quả tiêu thụ) theo hình thức Nhật ký Chung tại

đơn vị. Trên cơ sở đó đề ra những kiến nghị giúp hoàn thiện hệ thống kế toán này để đơn vị có thể kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, quá trình tiêu thụ hàng hóa và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả tiêu thụ giúp đơn vị nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Khóa luận gồm 3 chương:***

***Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu – Chi nhánh công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu.***

***Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu – Chi nhánh công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu.***

Do thời gian thực tập, cơ hội tiếp xúc với thực tế và kiến thức có hạn nên đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp để có thể cải thiện bài khóa luận trở nên tốt hơn. Em xin chân thành cảm ơn các cô chú, anh chị trong đơn vị đã nhiệt tình tạo điều kiện và đặc biệt là sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ để em hoàn thiện đề tài.

Em xin chân thành cảm ơn!

**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI**

**1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại.**

**1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Đối với các doanh nghiệp hiện nay, vấn đề luôn được quan tâm là hoạt động như thế nào để tối đa hóa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất mức độ rủi ro. Muốn làm được điều đó trước hết các doanh nghiệp đều phải chú trọng đến các yếu tố trực tiếp liên quan đến lợi nhuận là chi phí và doanh thu.

Doanh nghiệp nghiên cứu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm xây dựng kế hoạch quản lý sản xuất kinh doanh, kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất lao động đảm bảo yêu cầu thu hồi vốn nhanh, mở rộng sản xuất kinh doanh. Để làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện công tác quản lý và hạch toán kế toán thật tốt.

Như vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp và trở thành công cụ cần thiết cung cấp cho ban lãnh đạo công ty các thông tin nhằm đề ra phương án kinh doanh, đầu tư hiệu quả nhất.

**1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Doanh thu có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của bất cứ một doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường. Mỗi doanh nghiệp phải xây dựng cho đơn vị kế hoạch kinh doanh với các khoản chi phí được tính chi tiết, chính xác và đầy đủ. Nhờ đó ta sẽ xác định được kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác sau một thời kì nhất định, được thể hiện bằng số tiền lãi hay lỗ của doanh nghiệp.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh góp phần giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh, xu hướng phát triển để từ đó đưa ra những chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể, có sự phân phối kết quả kinh doanh hợp lý.

Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Đối với Nhà nước (cơ quan thuế, cơ quan ban ngành chức năng...), thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, giúp Nhà nước đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân. Đối với các nhà đầu tư, chủ nợ...là những người có lợi ích trực tiếp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp thì các thông tin này chính là cơ sở xác định tình hình, hiện trạng hoạt động của đơn vị. Nhờ những thông tin được cung cấp họ có thể ra quyết định có nên tiếp tục đầu tư hay không.

### **1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào không chỉ riêng các doanh nghiệp thương mại, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nắm giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nếu một doanh nghiệp không đạt được mức doanh thu yêu cầu thì doanh nghiệp đó sẽ phải đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng trong quá trình tồn tại và phát triển. Khi không giải quyết được các vấn đề nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận cần thiết doanh nghiệp phải đối mặt với việc thiếu vốn, thất thoát vốn. Doanh nghiệp muốn đạt được điều đó phải xác định và có các bước tính toán hợp lý các khoản chi phí cũng như phương thức hoạt động nhằm tránh việc vốn kinh doanh bị ứ đọng, lãng phí. Thực hiện tốt việc luân chuyển chứng từ, ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bước quan trọng mà bộ máy kế toán cần làm để từ đó cung cấp cho ban lãnh đạo có cái nhìn toàn diện, sát thực nhằm đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời sự mất cân đối giữa các khâu...

Để phát huy tốt vai trò và thực sự là quản lý đắc lực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

❶ Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

❷ Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu, chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng.

❸ Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở các định kết quả kinh doanh.

Từ các đặc điểm kinh doanh, muốn doanh nghiệp muốn đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, các vấn đề tổ chức kế toán phải gắn với kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

Muốn đạt được kết quả đó đòi hỏi ban lãnh đạo, cán bộ quản lý doanh nghiệp phải giải quyết được bài toán về tổ chức quản lý khoa học, hợp lý đồng thời nắm vững công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Làm được như vậy có nghĩa doanh nghiệp sẽ hoàn thiện được công tác kế toán tại doanh nghiệp.

#### **1.1.4 Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

##### ***1.1.4.1 Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp***

**Chi phí** là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

**Chi phí sản xuất kinh doanh** là sự tiêu hao các yếu tố nguồn lực cho sản xuất kinh doanh như nguyên vật liệu, nhân công, khấu hao tài sản cố định và các khoản chi phí khác để tạo ra thành phẩm và dịch vụ. Xét trong quá trình chu chuyển vốn thì chi phí được coi là yếu tố đầu vào để đổi lấy các yếu tố đầu ra, đó là doanh thu thành phẩm hay dịch vụ .

Đối với các doanh nghiệp thương mại thì chi phí hoạt động kinh doanh chủ yếu bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm...

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ, dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

**Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

**Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

#### ***1.1.4.2 Khái niệm doanh thu trong doanh nghiệp***

##### **a. Các loại doanh thu**

**Doanh thu** là tổng giá trị của lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu mua thêm ngoài giá bán (nếu có).

**Doanh thu thuần** là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK512) sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp Nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

**Doanh thu tiêu thụ nội bộ** là số tiền thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

**Doanh thu hoạt động tài chính** là doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

**Thu nhập khác** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động tạo doanh thu.

### **b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương thức trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

**Chiết khấu thương mại** là số tiền bên mua được hưởng theo qui định của hợp đồng đã thỏa thuận dành cho khách hàng trong trường hợp khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

**Giảm giá hàng bán** là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hàng không giao đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

**Hàng bán bị trả lại** là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị người bán trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong

hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại...

**Thuế tiêu thụ đặc biệt** là thuế đánh vào một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, không phục vụ thiết yếu cho đời sống người lao động.

**Thuế xuất khẩu** là thuế đánh vào tất cả những hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định.

**Thuế giá trị gia tăng** của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

### **c. Xác định kết quả kinh doanh**

**Kết quả sản xuất kinh doanh** là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả hoạt động tài chính** là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

**Kết quả hoạt động khác** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

### **1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp**

#### **1.1.5.1 Bán hàng**

**Bán hàng** là quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đã được doanh nghiệp đầu tư từ vốn sản xuất kinh doanh của mình.

#### **❖ Bản chất của quá trình bán hàng:**

Quá trình bán hàng là quá trình hoạt động kinh tế bao gồm 2 mặt:



- Doanh nghiệp bán hàng đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền người mua.

- Hàng hóa cung cấp nhằm để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của xã hội gọi là bán ra ngoài. Trường hợp hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty, được gọi là bán hàng trong nội bộ.

Quá trình bán hàng thực chất là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người bán và người mua trên thị trường. Quá trình này nhằm tiêu thụ hàng hóa, thực hiện quay vòng vốn đã bỏ ra nhằm mục đích sinh lời. Doanh nghiệp tiêu thụ càng nhanh thì tốc độ quay vòng vốn càng lớn, lợi nhuận thu được càng cao.

❖ **Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh:**

- Bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp quyết định có nên tiêu thụ hàng hóa đó nữa không.

Như vậy, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bán hàng là phương thức trực tiếp để đạt được kết quả kinh doanh. Kết quả kinh doanh là kết quả đạt được khi thực hiện hoạt động bán hàng.

❖ **Ý nghĩa của công tác bán hàng:**

Vì công tác bán hàng là công đoạn cuối cùng của quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp nên nó có vai trò rất quan trọng. Thực hiện tốt công tác bán hàng tức là doanh nghiệp đạt được:

- ❶ Giúp thu hồi vốn trong doanh nghiệp.
- ❷ Bù đắp chi phí cho các khâu kinh doanh – sản xuất.
- ❸ Là cơ sở để thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước là nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống người lao động trong doanh nghiệp.

***1.1.5.2 Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại***

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay các doanh nghiệp tùy điều kiện cụ thể của đơn vị sẽ áp dụng linh hoạt các phương thức bán hàng nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ. Các phương thức bán hàng gồm:

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Theo phương thức này khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì đồng thời khách hàng thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ:

- **Phương thức bán buôn:** là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc biệt của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- **Phương thức bán lẻ:** là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

❖ **Phương thức hàng gửi đi bán:** là phương thức mà ở đó định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho hàng gửi đi bán, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi ấy hàng mới chuyển quyền sở hữu và ghi nhận doanh nghiệp thu bán hàng. Theo phương thức này có các trường hợp bán hàng: bán buôn theo hình thức gửi hàng, bán hàng đại lý ký gửi.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần tiền lãi trả chậm. Về thực chất người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ.

❖ **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** theo phương thức này các cơ sở sản xuất kinh doanh khi xuất hàng hóa đều chuyển cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau: xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

❖ **Phương thức hàng đổi hàng:** Đây thực chất là hình thức đối lưu hàng hóa giữa các doanh nghiệp, doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty đang có nhu cầu.

### **1.1.6 Các phương thức thanh toán.**

Hiện nay, doanh nghiệp thường áp dụng 2 phương thức thanh toán:

❖ **Phương thức thanh toán trực tiếp:**

- **Thanh toán bằng tiền mặt:** Đây là hình thức thanh toán mà người mua sau khi nhận được hàng hóa do bên bán hàng cung cấp thì tiến hành thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho bên bán. Thông thường hình thức thanh toán bằng tiền mặt thường được áp dụng đối với hàng hóa tiêu thụ trong nước, các bên có khoảng cách địa lý gần nhau. Đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ, các khoản chi về vận chuyển... thường được thanh toán ngay bằng tiền mặt.

- **Phương thức thanh toán qua ngân hàng:** Nền kinh tế càng phát triển đa dạng nhiều thành phần hiện nay khiến ngân hàng trở thành cầu nối giữ vai trò quan trọng trong quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán. Có nhiều phương thức thanh toán qua ngân hàng. Việc lựa chọn phương thức nào là phụ thuộc vào điều kiện của mỗi bên và sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán.

❖ **Phương thức thanh toán chậm:** Đối với hình thức này phải ghi rõ thời hạn trả chậm trên hợp đồng kinh tế ký kết giữa công ty và khách hàng mua với khối lượng lớn.

## **1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

### **1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.**

**Doanh thu bán hàng:** là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

Các hàng hóa đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Trong một doanh nghiệp thương mại, do hoạt động chủ yếu là hoạt động bán hàng thu lợi nhuận nên nguồn doanh thu chủ yếu chiếm vị trí quan trọng trong một doanh nghiệp thương mại là doanh thu từ hoạt động bán hàng.

❖ **Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Theo chuẩn mực kế toán số 14 ban hành theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu cho từng hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng được ghi theo giá hóa đơn, các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại được phản ánh ở tài khoản riêng. Cuối kỳ được kết chuyển để giảm doanh thu hóa đơn.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện:

❶ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

❷ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

❸ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❹ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

❺ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu liên quan đến giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc giao dịch đó không được coi là giao dịch tạo doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Doanh thu (kể cả doanh thu nội bộ) phải theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không thuộc diện chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng thuộc diện chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm thuế TTĐB hoặc thuế XK).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT ( mẫu 01 – GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 – GTKT -3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi ( mẫu 14 –BH)

- Thẻ quầy hàng (mẫu 15-BH)

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi,...)

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 07A/GTGT)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

❖ **Tài khoản sử dụng**

**Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế trong kỳ của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Kết cấu tài khoản:***

**Bên nợ:**

- Số thuế phải nộp (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp) tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu của hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- Doanh thu bán hàng hoá của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

❖ Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2 sau:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118 – Doanh thu khác

**Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cung cấp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

***Kết cấu tài khoản:*****Bên nợ:**

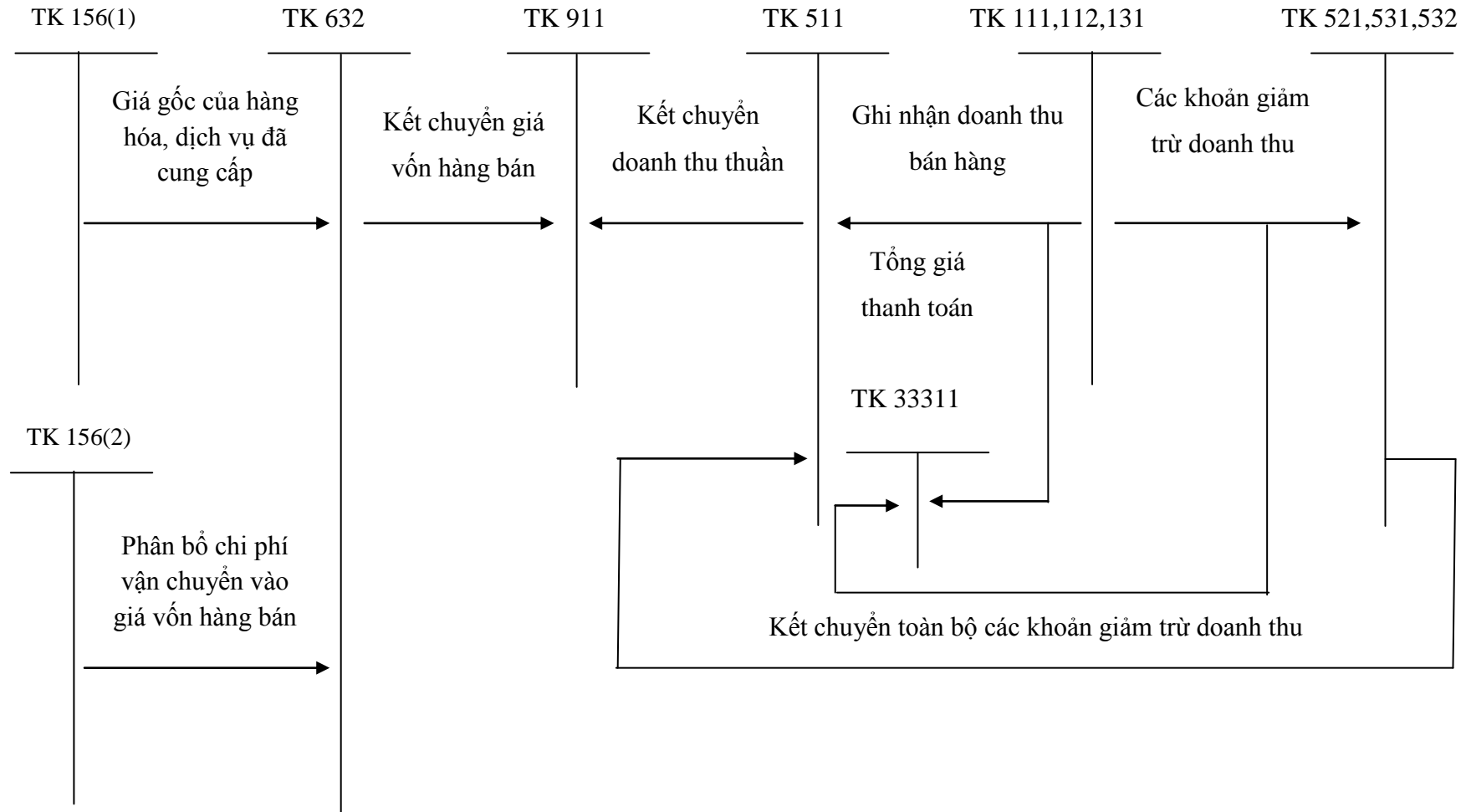
- Trị giá hàng bán trả lại (theo giá tiêu thụ nội bộ), khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp của số hàng hoá tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu nội bộ thuần vào tài khoản xác định kết quả.

**Bên có:**

- Tổng số doanh thu nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ.
- ◆ Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2
- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

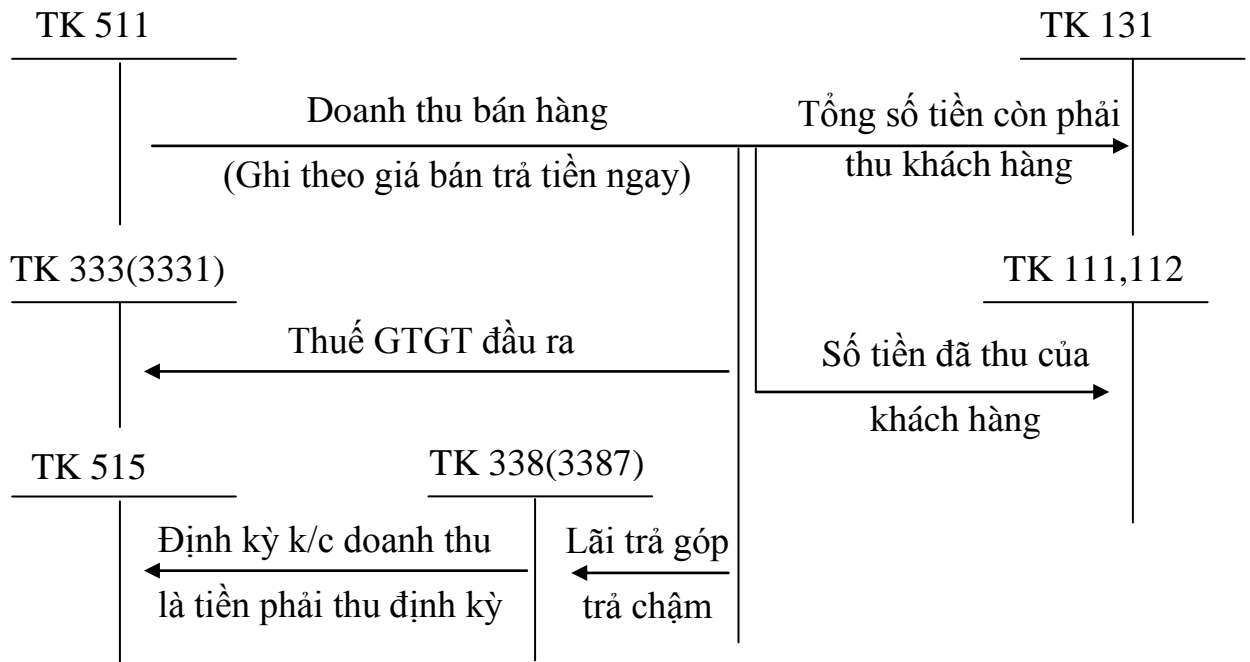
**Phương pháp hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng**

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trực tiếp



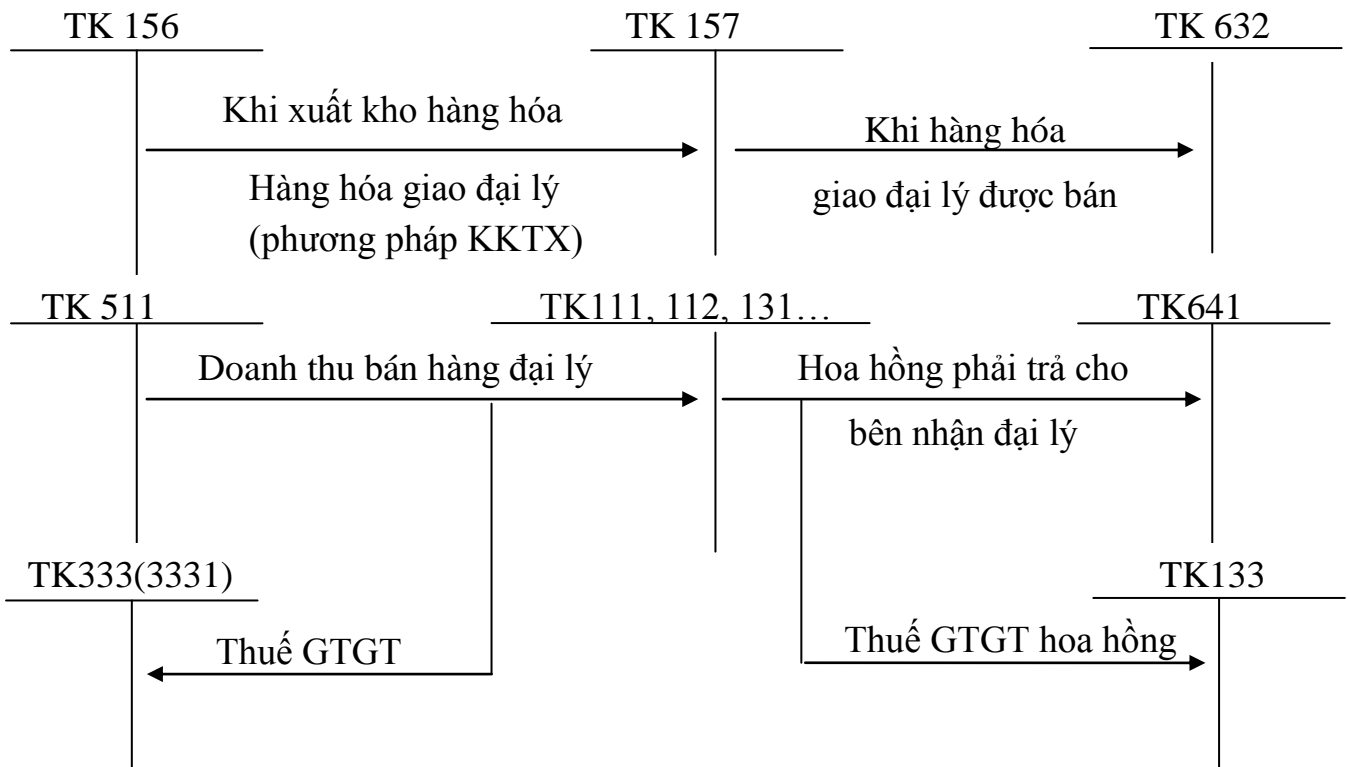


**Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trả góp**



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán qua đại lý**

**(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



**1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01-GTKT-3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

**❖ Tài khoản sử dụng****Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại:**

Dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

***Kết cấu tài khoản:***

***Bên nợ:*** Số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ.

***Bên có:*** Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

❖ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2.

- TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

**Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.**

Dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hoá, thành phẩm lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng lại bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 – chi phí bán hàng.

***Kết cấu tài khoản:***

***Bên nợ:*** Trị giá của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán ra.

***Bên có:*** Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào bên Nợ TK511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK512 – doanh thu bán hàng nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

◆TK 531 cuối kỳ không có số dư.

**Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận.

***Kết cấu tài khoản:***

***Bên nợ:*** Các khoản giảm trừ hàng bán được chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong HĐ kinh tế.

***Bên có:*** Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán vào TK 511 - doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK512 – doanh thu bán hàng nội bộ.

◆TK 532 cuối kỳ không có số dư.

**❖ Thuế: các khoản thuế làm giảm doanh thu**

**Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

***Tài khoản sử dụng: TK3331***

**Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

***Tài khoản sử dụng: TK 3332***

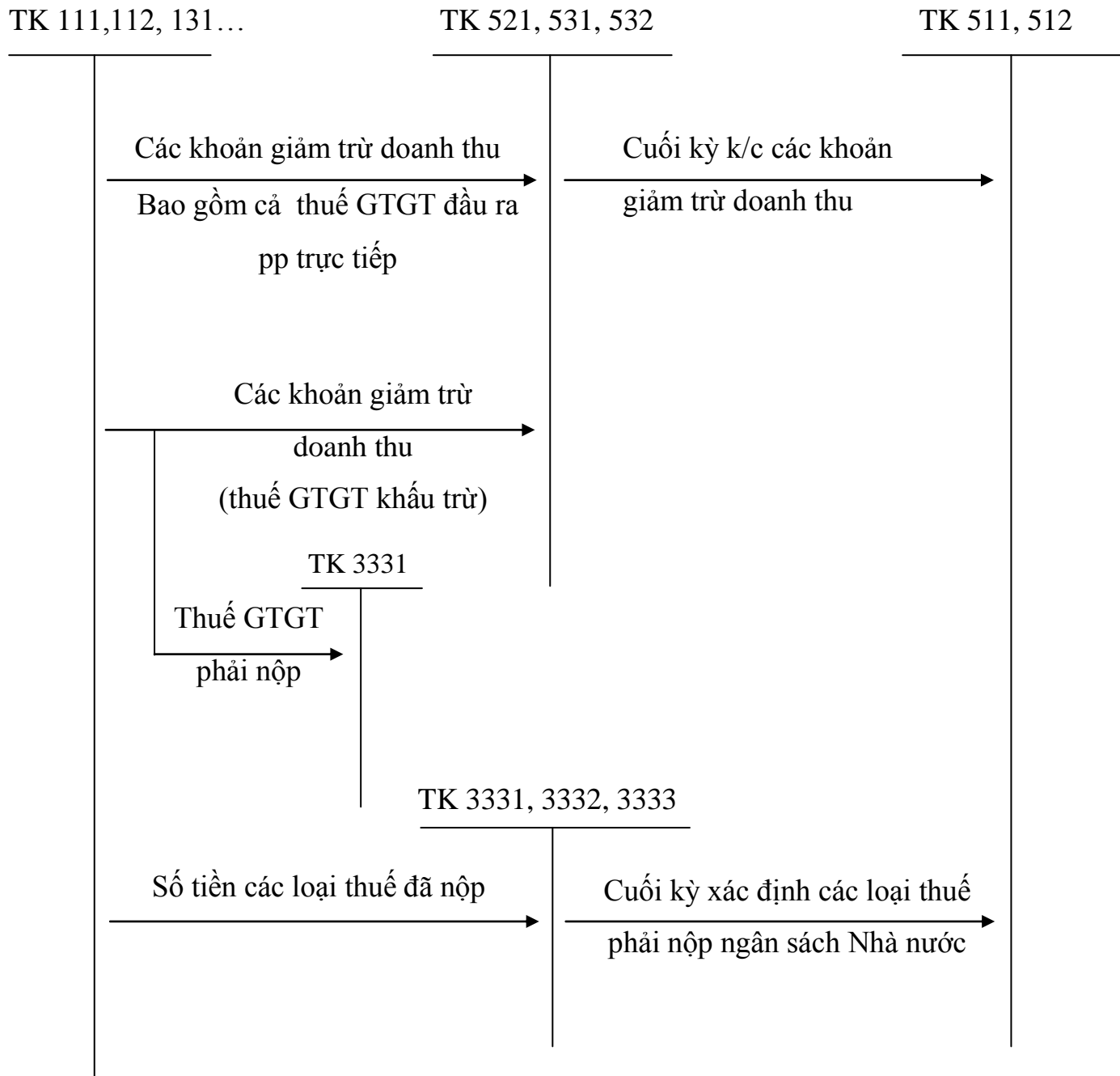
**Thuế xuất khẩu:** là sắc thuế đánh vào tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

***Tài khoản sử dụng: TK 3333***

**Phương pháp hạch toán:** được khái quát theo sơ đồ

**Sơ đồ 1.4 Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

**được thực hiện theo sơ đồ sau:**



**1.2.2 Kế toán giá vốn hàng**

Để xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, trước hết phải xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng bán xuất kho để bán, bao gồm trị giá mua thực tế và chi phí mua của số hàng đã xuất kho.

**❖ Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.**

Hiện nay có nhiều cách tính giá vốn khác nhau tùy vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp phù hợp. Trong thực tế, giá cả của hàng hóa mua vào luôn biến động do đơn giá của mỗi lần nhập kho là khác nhau. Như vậy khi thực hiện quá trình hạch toán, kế toán phải lựa chọn phương pháp nhất định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng, qua đó xác định giá bán hàng hóa hợp lý.

**❶ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này dựa trên giả thiết lô hàng nhập kho trước sẽ được xuất kho trước, vì vậy hàng tồn kho đầu kỳ giả định là hàng xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào, nhập kho.

**Ưu điểm:** giá vốn của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

**Nhược điểm:** phương pháp này đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập kho theo từng lần. Trị giá hàng hóa xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

**② Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này giả định những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng.

**Ưu điểm:** trị giá hàng hóa xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hóa.

**Nhược điểm:** trị giá hàng hóa tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động giảm về giá.

**③ Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, trị giá của từng loại hàng hóa tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho tương tự được mua trong kỳ.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

•Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

**Ưu điểm:** phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

**Nhược điểm:** lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

•Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

**Ưu điểm:** khắc phục những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức.

**Nhược điểm:** Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

**➊ Phương pháp thực tế đích danh:**

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

**Ưu điểm:** Giá vốn xác định đúng theo từng lô hàng.

**Nhược điểm:** Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hóa tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít.

❖ **Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:**

$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} \times \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí thu mua của hàng tồn kho đầu kỳ và phát sinh trong kỳ}$$

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

**Tài khoản 632:** Phản ánh giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ...

***Kết cấu của tài khoản:******Bên nợ:***

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo từng hóa đơn.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

***Bên có:***

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ vào bên nợ TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.

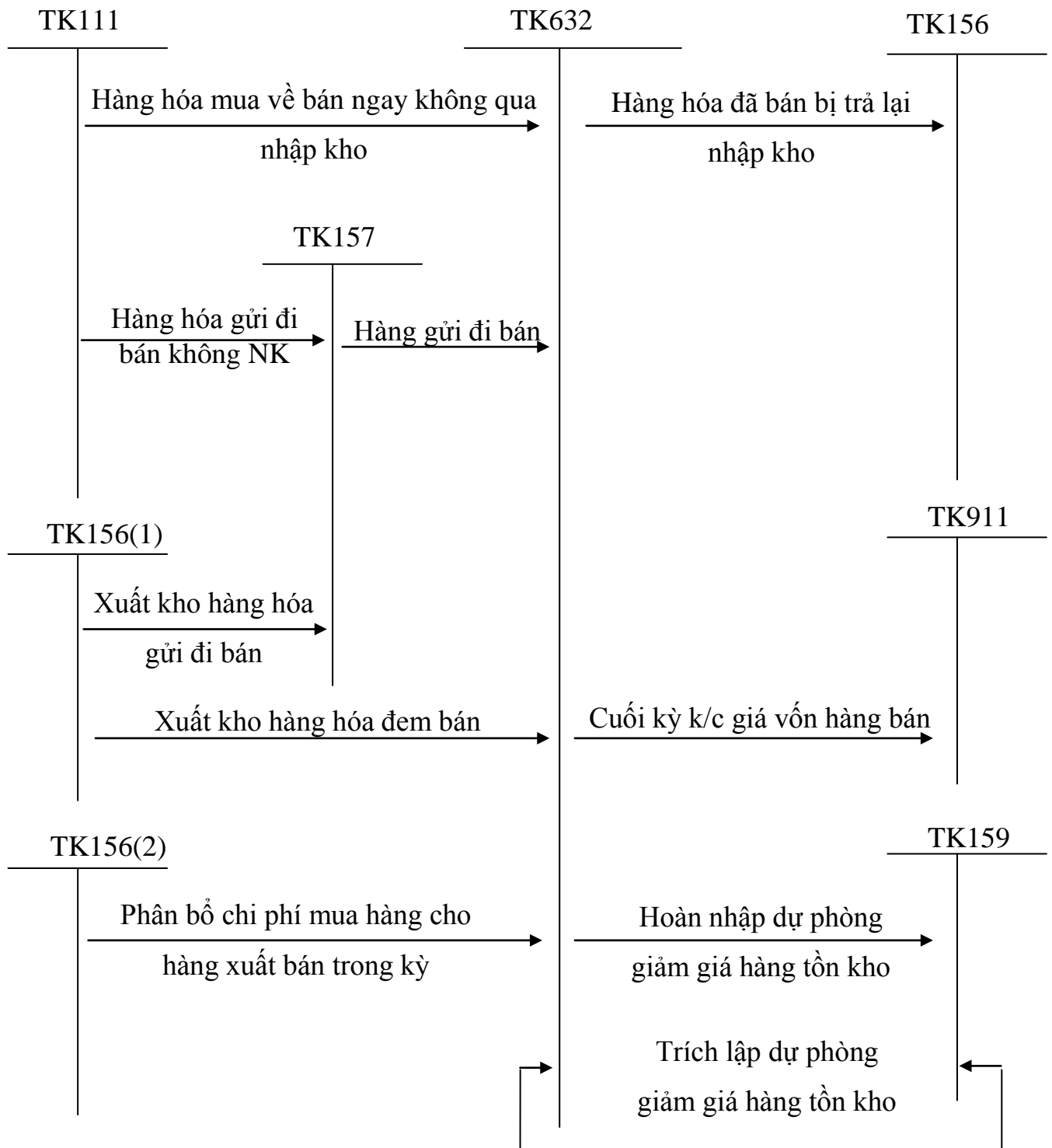
◆ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

**❖ Phương pháp hạch toán giá vốn:**

➤ ***Phương pháp kê khai thường xuyên:*** là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.



**Sơ đồ 1.5: Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ:**



➤ **Phương pháp kiểm kê định kỳ:** là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.6: Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ:**



**1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****1.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng**

**Chi phí bán hàng** là tất cả các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan tới hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm một số nội dung sau: chi phí nhân viên, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành, chi phí mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (mẫu số 11-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Chứng từ kế toán liên quan.

**❖ Kết cấu tài khoản:**

Bên nợ: Tập hợp các chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ

Bên có: Các khoản giảm trừ chi phí

Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng:**

TK 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên bán hàng
- TK 6412 – Chi phí vận chuyển, bao bì
- TK 6413 – Chi phí công cụ, dụng cụ
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

**1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

**Chi phí quản lý doanh nghiệp** là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm một số nội dung: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác...

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan..

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 642 không có số dư và được chi tiết thành 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423– Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424– Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

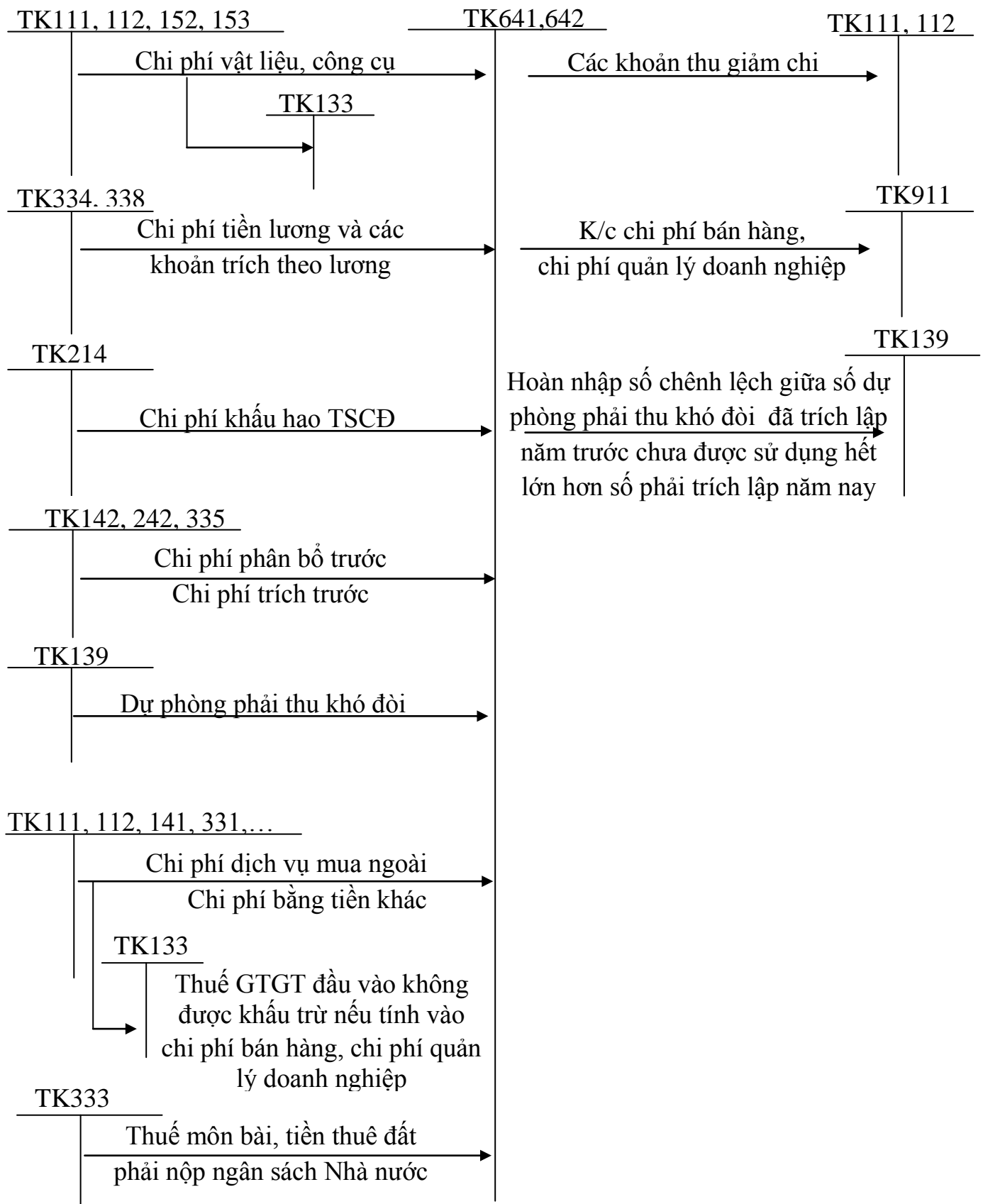
**❖ Kết cấu tài khoản**

Bên nợ: tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ

Bên có: Các khoản làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh thể hiện qua sơ đồ:

**Sơ đồ 1.7: Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**



**1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính****1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**Doanh thu hoạt động tài chính** là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, cổ tức, lợi nhuận được chia...

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu thu (mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ có liên quan...

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng:*****TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính*****❖ Kết cấu tài khoản:****Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương thức trực tiếp nếu có.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- Các khoản làm tăng doanh thu hoạt động tài chính như: tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

❖ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính**

**Chi phí hoạt động tài chính** là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: chi trả lãi tiền đi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi từ mua hàng theo hình thức trả góp.

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ có liên quan...

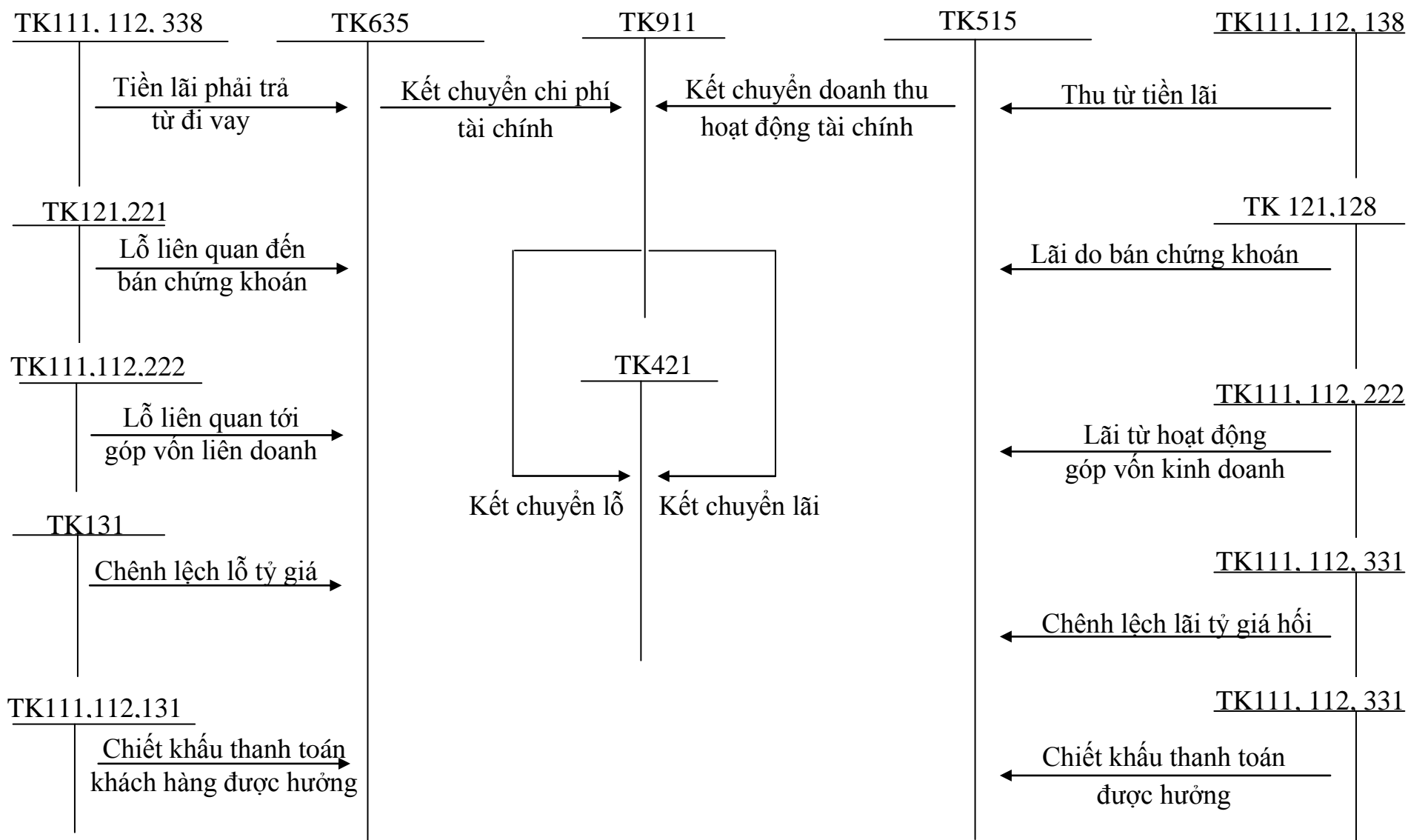
**❖ Tài khoản kế toán sử dụng:*****Tài khoản 635 – chi phí hoạt động tài chính*****❖ Kết cấu tài khoản:****Bên nợ:**

- Chi phí tiền lãi vay, tiền mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

**Bên có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
  - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- ❖ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.8: Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí tài chính được thể hiện trong sơ đồ:**





**1.2.5 Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác****1.2.5.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác**

**Thu nhập hoạt động khác:** là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ,...

**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ có liên quan

**❖ Tài khoản sử dụng:**

**TK 711 – thu nhập hoạt động khác**

**❖ Kết cấu tài khoản 711****Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh tăng trong kỳ.

❖ TK 711 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.5.2 Kế toán chi phí khác**

**Chi phí hoạt động khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những

khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm các nội dung sau: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

*TK 811 – Chi phí khác*

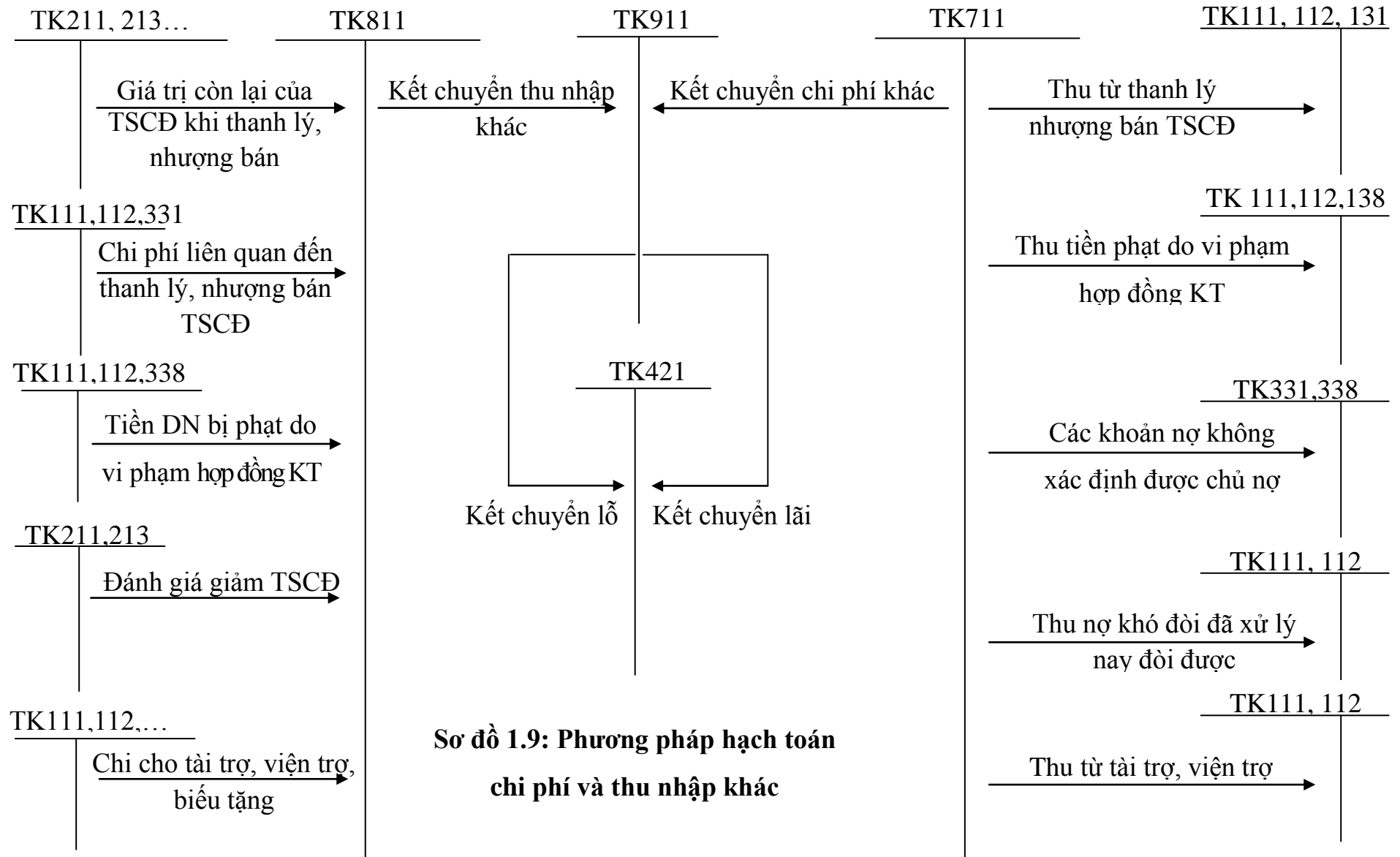
❖ **Kết cấu tài khoản:**

Bên nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
- Xác định kết quả kinh doanh.



**1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**Kết quả kinh doanh** là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Kết quả hoạt động tài chính** là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

**Kết quả hoạt động khác** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lãi lỗ từ hoạt động bán hàng} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

$$\text{Lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lãi lỗ từ hoạt động bán hàng} + \text{Lãi lỗ từ hoạt động tài chính} + \text{Lãi lỗ từ hoạt động khác}$$

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản kế toán sử dụng:**

*Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh*

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Kết chuyển lãi.

**Bên có:**

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

- Kết chuyển lỗ.

◆ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

***Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối***

Tài khoản này dùng phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh.

**❖ Kết cấu tài khoản:****Bên nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư...

- Bổ sung vốn kinh doanh.

- Lợi nhuận nộp cấp trên.

**Bên có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số cấp dưới được cấp trên bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 421 có thể có số dư nợ hoặc dư có.

- Số dư bên Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

- Số dư bên Có: số lợi nhuận chưa phân phối.

***Tài khoản 821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Tài khoản này dùng phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

**❖ Kết cấu của tài khoản:****Bên Nợ:**

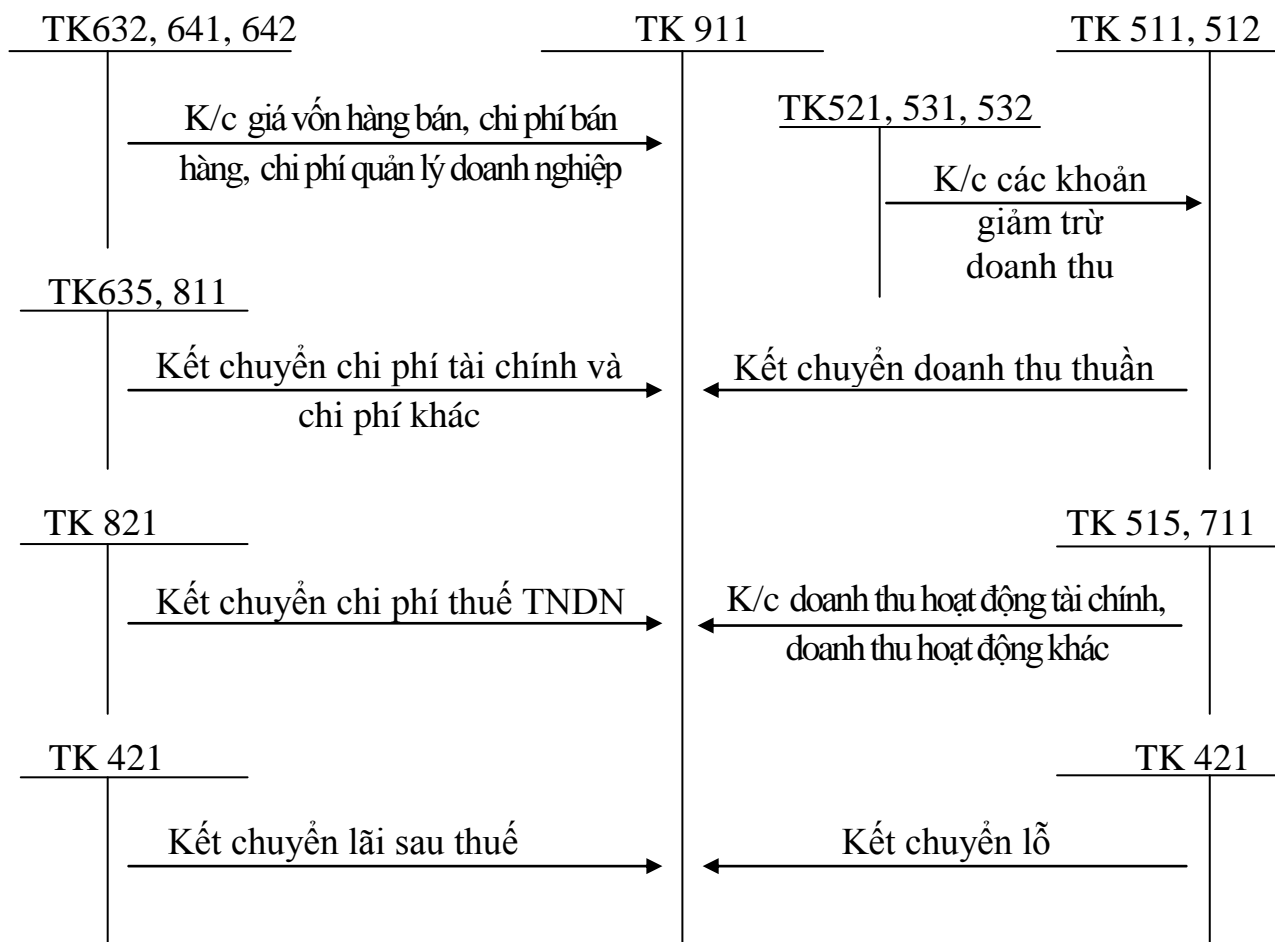
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm khác phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK 8212 – “chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên nợ TK8212 – “chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên có TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

**Bên có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên có TK8212 – “chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên nợ TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

❖ TK 821 không có số dư cuối kỳ

**Sơ đồ 1.10: Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh:**



**1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kinh doanh nghiệp.**

- Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng:

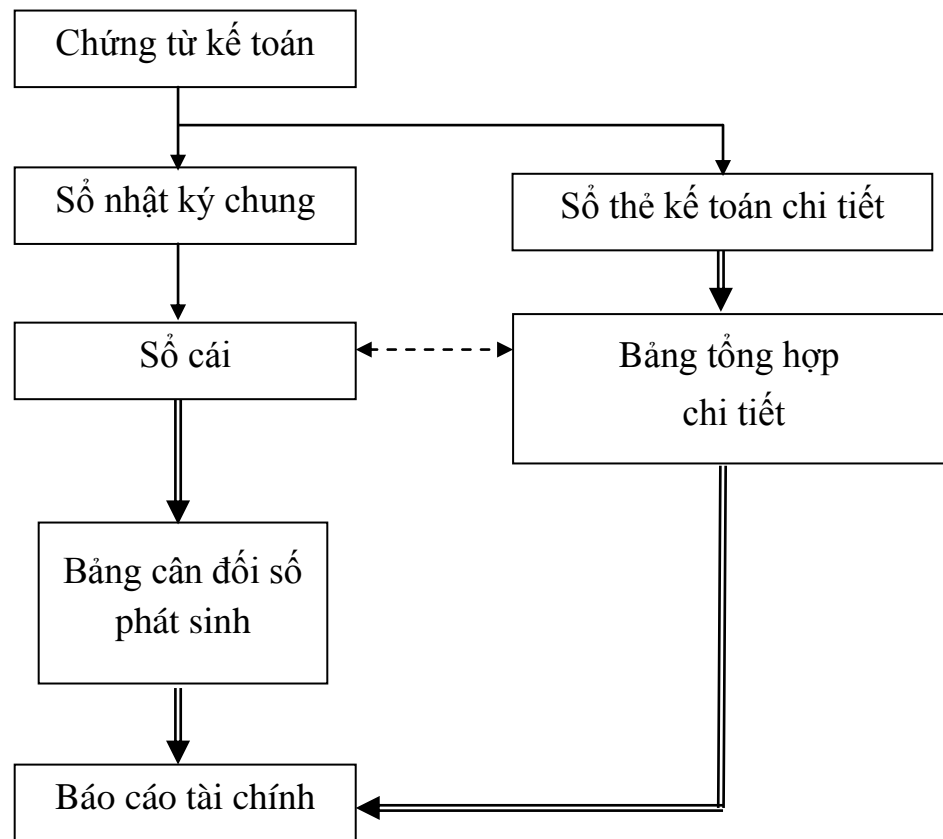
Sổ kế toán tổng hợp gồm: sổ nhật ký - chứng từ, sổ nhật ký chung, sổ cái.

Sổ kế toán chi tiết gồm: sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa; sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán; sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác...

**❖ Các chứng từ kế toán bao gồm:**

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

## Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



### ***Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày           →
- Ghi cuối kỳ             ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra   <- ->

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên Sổ nhật ký chung (hoặc sổ nhật ký chung và các sổ nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

❖ **Ưu điểm và hạn chế:**

➤ Hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thích hợp cho việc ứng dụng vi tính vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

➤ Nhược điểm của hình thức này là việc ghi chép còn trùng lặp, thể hiện là một nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải đồng thời ghi vào nhiều sổ.

Với những ưu điểm và hạn chế trên hình thức này rất thích hợp với các đơn vị thực hiện kế toán trên máy vi tính. Còn trong trường hợp công tác kế toán chưa được thực hiện trên máy vi tính thì hình thức này chỉ thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU – CHI NHÁNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU**

**2.1. Khái quát chung về đơn vị**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị**

Tên doanh nghiệp: **XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU**

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU**

Tên giao dịch: **ENTERPRISE CARRYING ON PETROLEUM BUSINESS**

**THE BRANCH OF TRANSPORT AND**

**PETROLEUM SUPPLY JOIN STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **ECOPE BUSINESS - THE BRANCH TRANPESCO**

Loại hình DN: Đơn vị cổ phần

Địa chỉ : Số 557 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ,  
quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Điện thoại : 031.3765058

Fax : 031.3765269

SĐKHHĐ : 0213005181

Tổng đơn vị được quyết định thành lập ngày 4/3/1993 căn cứ vào luật tổ chức Chính phủ ngày 30/9/1992, căn cứ vào quy chế về thành lập doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1992 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Căn cứ thông báo đồng ý thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 09/TB ngày 26/01/1993 của văn phòng Chính phủ quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước lấy tên :”Đơn vị vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển”.

Ngày 01/3/2002 căn cứ theo quyết định số 539/2002/QĐ- BGTVT của Bộ giao thông vận tải chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước Đơn vị vận tải và cung ứng xăng dầu đường biển thành đơn vị cổ phần.

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu ban đầu là Trạm xăng dầu trực thuộc Chi nhánh Công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu có chức năng và nhiệm vụ là kinh doanh bán buôn và bán lẻ xăng dầu, mỡ nhờn. Tiền thân được xây dựng và thành lập từ năm 1994 đến nay đã hơn 18 năm. Qua quá trình phát triển và trưởng thành từ một ki ốt bán lẻ xăng dầu sau phát triển và trở thành trạm kinh doanh xăng dầu. Sau do chủ trương của Đảng và Nhà nước thay đổi mô hình tổ chức và cổ phần hóa, đơn vị đã thay đổi thành Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu từ năm 2003 đến nay. Theo đà phát triển Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu cũng đã mở rộng quy mô và hoạt động ở nhiều lĩnh vực.

Với việc mở rộng các ngành nghề sản xuất và kinh doanh như vậy trong những năm qua đơn vị đã tạo được mối quan hệ trong việc hợp tác kinh doanh với nhiều doanh nghiệp. Sau hai năm chuyển đổi thành đơn vị cổ phần, đơn vị đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, doanh thu, lợi nhuận.

### **2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.**

Hiện tại, Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu là một đơn vị kinh doanh thương mại, thực hiện chức năng nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Đối tượng kinh doanh của đơn vị là hàng hóa, đó là những sản phẩm của đơn vị mua về để bán ra nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của thị trường.

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của đơn vị gồm:

- Kinh doanh vận tải hàng hoá xăng dầu: Đơn vị có đội ngũ chuyên làm nhiệm vụ cung ứng xăng dầu với nhiều năm kinh nghiệm, luôn bảo đảm vận chuyển và cung ứng theo yêu cầu của khách hàng kịp thời, đúng hạn đảm bảo đúng điều kiện vận tải theo quy định của Nhà nước cũng như an toàn trong phòng chống cháy nổ...

- Dịch vụ đại lý tàu biển, giao nhận hàng hoá cung ứng tàu biển, sửa chữa phương tiện thiết bị giao thông vận tải: Đơn vị luôn không ngừng nâng cao tay nghề và năng lực cho đội ngũ người lao động. Dù đây không phải hướng phát triển chính nhưng do được đúc kết nhiều năm kinh nghiệm nên đơn vị đã tạo được chỗ đứng và uy tín đối với bạn hàng.

- Khai thác cầu cảng dịch vụ xếp dỡ tại cảng biển: Cung cấp dịch vụ xếp dỡ đáp ứng nhu cầu chuyên giao hàng hóa nhanh chóng theo tiến độ, giúp đảm bảo quá trình giao nhận hàng của đối tác được bảo đảm.

- Kinh doanh phương tiện vật tư, thiết bị ngành giao thông vận tải....

### ❖ **Phương hướng hoạt động của đơn vị**

Do tình hình thực tế của đơn vị chưa tìm kiếm và phát triển thêm các lĩnh vực vào sản xuất nên khả năng phân đầu sản xuất – kinh doanh không được cao vì vậy muốn sản xuất – kinh doanh đạt hiệu quả cao thì đơn vị phải phát huy hết tối đa tác dụng của các phương tiện chuyên chở của đơn vị như tàu chở hàng, xe ô tô chở xăng dầu...

Mở rộng thị trường để tìm kiếm các bạn hàng.

Xây dựng, tổ chức tốt các kế hoạch kinh doanh, dịch vụ. Quản lý sử dụng vốn kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và không ngừng tăng cường vốn, chấp hành tốt chế độ tài chính của Nhà nước đồng thời làm tốt nghĩa vụ ngân sách Nhà nước.

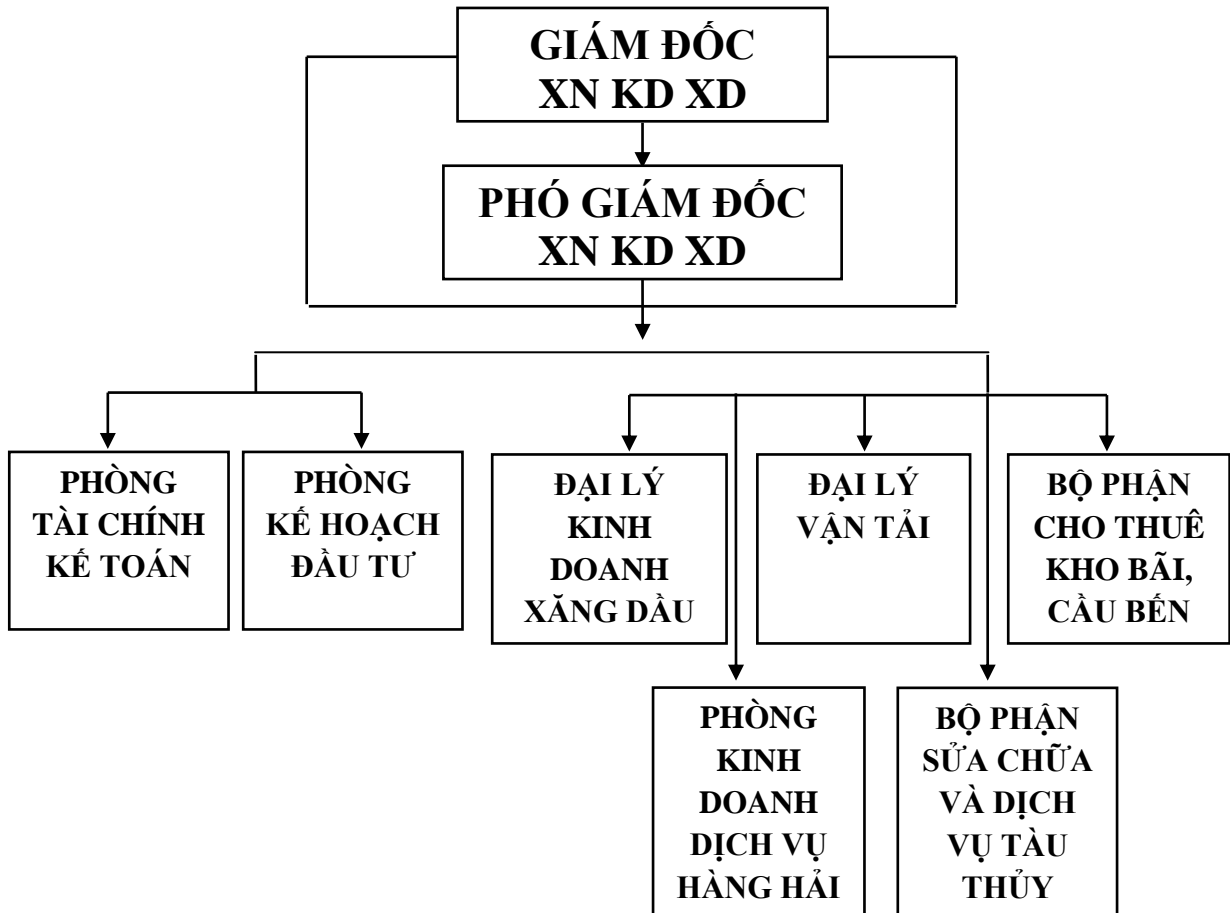
Thực hiện tốt các cam kết đã ký kết trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng với các tổ chức trong mọi thành phần kinh tế.

Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ công nhân viên thực hiện phân phối theo lao động không ngừng đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ nhiệm vụ cho mọi người.

### **2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của đơn vị**

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu có ngành nghề chính là thương mại và dịch vụ trong đó kinh doanh xăng dầu đóng vai trò quan trọng. Bên cạnh đó đơn vị cũng hoạt động kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực đã nêu ở phần trên nên đơn vị đã tổ chức bộ máy quản lý và cơ cấu sản xuất kinh doanh dịch vụ phù hợp với điều kiện và ngành nghề kinh doanh nhằm phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo của cán bộ và công nhân viên để đưa đến kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

**Sơ đồ 01: Bộ máy quản lý của  
Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu**



**Tổ chức bộ máy quản lý**

- **Giám đốc:** Là người trực tiếp chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động của đơn vị và cũng là người điều hành việc kinh doanh sản xuất của đơn vị.

- Giám đốc có quyền quyết định việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Nhà nước, giám đốc công ty và tập thể người lao động đơn vị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các mục tiêu được cấp trên giao cho.

- Giám đốc có quyền quyết định về tổ chức bộ máy và lựa chọn, quy hoạch cán bộ theo phân cấp quản lý.

- Có trách nhiệm ban hành các nội quy, quy chế của đơn vị, có quyền quyết định khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích hoặc xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy, quy chế của đơn vị theo quy định của Nhà nước.

- **Phó giám đốc:** Tham mưu cho giám đốc và giúp việc cho giám đốc về tình hình hoạt động và nhân sự trong đơn vị.

- Là người giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực được phân công.

- Đề xuất phương án, giải pháp quản lý, xử lý kịp thời và giải quyết dứt điểm công việc được phân công.

- Các trưởng phòng: Các trưởng phòng của các ban nghiệp vụ có trách nhiệm báo cáo đề xuất tham gia ý kiến trong quá trình quản lý kinh doanh và hoạt động nghiệp vụ của đơn vị.

❖ **Nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban trong đơn vị**

- **Phòng tài chính kế toán:**

Cung cấp đầy đủ các thông tin về hoạt động kế toán tài chính của đơn vị và các chi nhánh, các phòng ban, cửa hàng... nhằm giúp cho Giám đốc điều hành quản lý các hoạt động kế toán tài chính đạt hiệu quả cao, cung cấp những thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tính toán và trích lập kịp thời các khoản nộp ngân sách, theo dõi và quản lý vật tư, hàng hoá, đôn đốc các bộ phận để thực hiện nhanh.

- **Phòng kế hoạch đầu tư:**

Tham mưu giúp giám đốc trong công tác lập kế hoạch kinh doanh. Cung cấp thông tin cho khách hàng, giao dịch với khách hàng nhằm nâng cao doanh lợi cho đơn vị.

+ Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, tác nghiệp chỉ đạo sản xuất và thống kê tổng hợp các chỉ tiêu tiêu thụ sản phẩm, chi tiêu tài chính.

+ Cung ứng đầy đủ, kịp thời các vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế phục vụ kinh doanh và công tác quản lý.

+ Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, vệ sinh cảnh quan môi trường, phục vụ bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

+ Xây dựng phương án bảo vệ tài sản đơn vị, xây dựng phương án, biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt.

**- Phòng kinh doanh xăng dầu:**

Chuyên kinh doanh buôn bán xăng dầu. Nhận và nắm bắt tình hình xăng dầu, xử lý các hoạt động mua bán xăng dầu trong đơn vị.

**- Đại lý vận tải:**

Chuyên cung cấp dịch vụ chuyên chở theo nhu cầu của khách hàng.

**- Bộ phận cho thuê kho bãi, cầu bến:**

Chuyên cho thuê bến bãi, nhà kho ... Xây dựng kinh doanh nhà ở, nhà nghỉ, chuyên chở vận tải và các dịch vụ thương mại khác.

**- Phòng kinh doanh dịch vụ hàng hải:**

Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành giao thông vận tải.

**- Bộ phận sửa chữa và dịch vụ tàu thủy:**

Chuyên chở xăng dầu, khai thác cầu cảng, dịch vụ xếp dỡ hàng hoá tại cảng biển, khai thác dầu tại cảng biển...

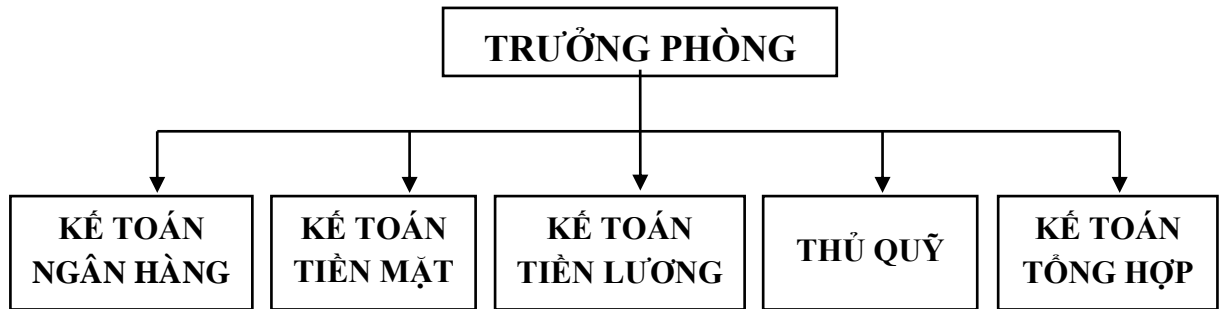
Ngoài ra đơn vị còn có các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn, Đoàn thanh niên chỉ đạo các hoạt động đoàn thể của đơn vị.

**2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu.****2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán.**

Đặc điểm kinh doanh của đơn vị chủ yếu là xăng dầu đồng thời là một đơn vị hạch toán kế toán độc lập, có địa bàn hoạt động tập trung để đảm bảo cho việc chỉ đạo kiểm tra đôn đốc kế toán được sát sao, kịp thời nên đơn vị đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, tức là phòng kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ khâu lập chứng từ, ghi sổ kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp đến lập báo cáo kế toán.

Phòng kế toán của đơn vị bao gồm 6 người, trong đó có một đồng chí trưởng phòng, bốn đồng chí kế toán viên và một đồng chí thủ quỹ. Mỗi thành viên trong phòng được sắp xếp và bố trí công việc một cách rõ ràng.

## Sơ đồ 02: Tổ chức bộ máy kế toán - Mô hình bộ máy kế toán

**-Trưởng phòng:**

Phụ trách chung công tác hạch toán kế toán, quyết toán tài chính và quản lý tài chính toàn đơn vị. Bao gồm những nhiệm vụ sau:

+ Tổ chức bộ máy chỉ đạo bộ máy kế toán của đơn vị đáp ứng được nhiệm vụ kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị, đảm bảo theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

+ Tham mưu cho giám đốc về công tác quản lý tài chính toàn đơn vị, quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn, xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm trình Giám đốc.

+ Báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, năm về kết quả hoạt động tài chính của đơn vị cho giám đốc chi nhánh công ty.

+ Chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ tài liệu để tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra của Nhà nước. Xây dựng quy chế quản lý tài chính toàn đơn vị và các quy chế khác do đơn vị phân công.

+ Có trách nhiệm trích lập các quỹ, xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận để trình giám đốc đơn vị.

+ Nghiên cứu các Nghị định, Thông tư của Nhà nước để áp dụng cho toán đơn vị và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng pháp luật. Theo dõi nguồn thu của đơn vị, rà soát kiểm tra hồ sơ chứng từ thanh toán của đơn vị. Đôn đốc kiểm tra việc kiểm kê, đối chiếu công nợ, thu đòi nợ đơn vị.

**- Kế toán tổng hợp**

Tham mưu và giúp việc cho kế toán trưởng về mặt thực hiện các nghiệp vụ kinh tế của toàn đơn vị theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Phụ trách công tác kế toán trên máy vi tính, soạn thảo đánh máy các văn bản báo cáo của đơn vị.



Lập các loại sổ sách kế toán tổng hợp theo mẫu biểu đã được quy định của Nhà nước. Lập báo cáo quyết toán tài chính hàng tháng, quý, năm theo quy định. Tập hợp và lập báo cáo quản trị theo yêu cầu của lãnh đạo đơn vị: Báo cáo nhanh, báo cáo chính thức. Cung cấp thông tin số liệu phục vụ chi việc lập báo cáo của người trực tiếp quản lý vốn tại doanh nghiệp. Tập hợp toàn đơn vị các báo cáo chi tiết theo các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập hợp và báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng của các phòng ban. Đôn đốc các bộ phận kế toán chi tiết đối chiếu sổ sách rà soát các hoá đơn chứng từ đúng chế độ chính sách. Tập hợp hồ sơ thanh quyết toán hàng tháng với đội tàu vận tải. Theo dõi tình hình cho thuê tàu của đơn vị...

### **- Kế toán ngân hàng**

Phụ trách các công nợ bằng chuyển khoản (tài khoản tiền gửi nội tệ, ngoại tệ, tài khoản chuyên thu, chuyên chi của chi nhánh). Lập hồ sơ vay vốn và trực tiếp giao dịch với ngân hàng để giải quyết các thủ tục cần thiết cho việc vay vốn dài hạn, ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lập báo cáo tình hình biến động và số dư các tài khoản tiền gửi tiền mặt cho trưởng phòng và giám đốc đơn vị. Tập hợp hồ sơ và mở thẻ theo dõi tình hình tăng, giảm toàn bộ TSCĐ, CCDC, trang thiết bị văn phòng của toàn đơn vị, theo dõi tình hình trích lập khấu hao cơ bản, khấu hao sửa chữa lớn và theo dõi tình hình sửa chữa các TSCĐ. Trực tiếp theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của phòng đại lý vận tải và khai thác tàu. Tập hợp các báo cáo quản trị và đơn vị mình phụ trách cho kế toán tổng hợp tham gia công việc khác trong quá trình sản xuất kinh doanh...

### **- Kế toán tiền lương và kế toán kho**

Căn cứ vào các báo cáo nhanh của các đơn vị về kết quả sản xuất kinh doanh trong tháng, quý để đề xuất quỹ lương được trích. Tính toán lương và theo dõi lương của toàn đơn vị, tính toán trả lãi vốn vay ngắn hạn. Đánh máy các văn bản vay vốn và các yêu cầu khác khi cần thiết. Phụ trách kế toán máy và toàn bộ chứng từ, trực tiếp theo dõi kinh doanh của phòng kinh doanh xăng dầu, kiểm tra rà soát các hoá đơn chứng từ hồ sơ xin thanh toán, đôn đốc đối chiếu công nợ, đối chiếu kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, hàng năm....

**- Kế toán tiền mặt, kê khai thuế**

Viết phiếu thu, phiếu chi hàng ngày, vào sổ sách chi tiết tài khoản tiền mặt (kế toán máy) kế toán tính toán khác, hoàn vay tạm ứng, thanh toán công tác phí. Kê khai thuế, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của các hoá đơn chứng từ, theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra của đơn vị. Lập tờ khai thuế hàng tháng báo cáo Cục thuế Hải Phòng, lập báo cáo thuế GTGT, báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Báo cáo năm)...

**- Thủ quỹ**

Theo dõi khoản tạm ứng (TK 141), theo dõi tình hình trích nộp kinh phí công đoàn của đơn vị, lập hồ sơ thanh toán chế độ bảo hiểm của cán bộ nhân viên đơn vị với cơ quan bảo hiểm thành phố. Thủ quỹ chịu trách nhiệm thu tiền mặt của toàn đơn vị tuân theo qui định của Nhà nước...

***2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp***

- Niên độ kế toán bắt đầu từ: ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ), đơn vị tính: đồng.
- Chế độ kế toán: Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: bình quân liên hoàn.

***2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán***

- Hệ thống chứng từ: đơn vị vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Hệ thống tài khoản: đơn vị vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

***2.1.4.4 Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị.***

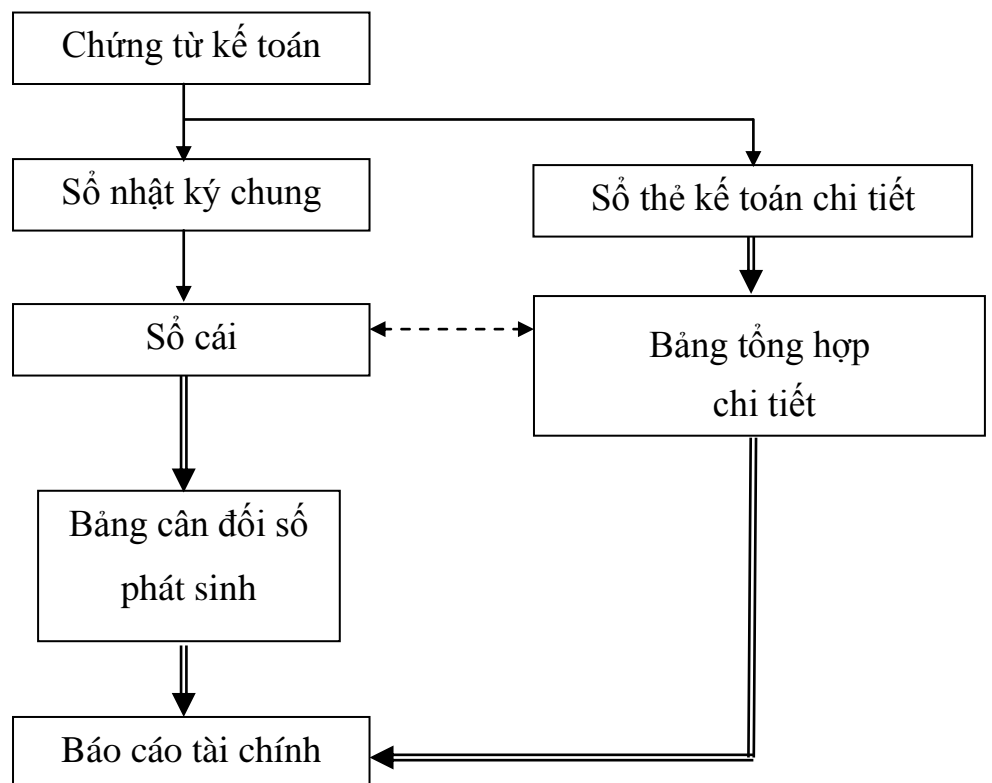
Là một đơn vị kinh doanh có quy mô lớn, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều do đó để hệ thống hoá và tính toán các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ cán bộ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi điều đã

được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến bậc đại học. Vì vậy đơn vị đã chọn hình thức kế toán “ Nhật ký chung”.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- ❖ **Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:**
  - Sổ Nhật ký chung
  - Sổ cái
  - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Trình tự ghi sổ kế toán  
theo hình thức kế toán nhật ký chung.**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày           →
- Ghi cuối kỳ           ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra   <- ->

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên Sổ nhật ký chung.

#### ❖ **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03 – DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B04 – DN)

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm báo cáo khác như: bảng cân đối SPS, báo cáo thuế...

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **2.2.1.1 Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng.**

#### ❖ **Đặc điểm sản phẩm hàng hóa**

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu là đơn vị kinh doanh thương mại hoạt động trong lĩnh vực xăng dầu, vì vậy kinh doanh chủ yếu gồm:

- Kinh doanh hàng hoá xăng dầu.
- Dịch vụ đại lý tàu biển, giao nhận hàng hoá cung ứng tàu biển, sửa chữa phương tiện thiết bị giao thông vận tải.
- Khai thác cầu cảng dịch vụ xếp dỡ tại cảng biển.

- Kinh doanh xuất, nhập khẩu phương tiện vật tư, thiết bị ngành giao thông vận tải....

Đơn vị đảm bảo các yêu cầu và tiêu chuẩn khắt khe nhất của khách hàng cũng như đăng kiểm về đặc thù các loại sản phẩm như Xăng Mogas 90, Xăng Mogas 92, Xăng Mogas 95, dầu nhớt, Mazut, Diesel...

❖ **Các phương thức bán hàng của đơn vị.**

Thị trường của đơn vị chủ yếu là ở thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận khác. Để có thể khẳng định và giữ vững vị trí đối với các doanh nghiệp đối thủ khác trong nền kinh tế thị trường, đơn vị đã không ngừng đẩy mạnh, cải thiện công tác bán hàng, nâng cao uy tín đối với khách hàng, áp dụng các hình thức thanh toán linh hoạt, nhanh chóng và phù hợp để khách hàng cảm thấy hài lòng và thuận tiện.

**Đơn vị sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ:**

Phương thức bán buôn: là hình thức bán hàng chủ yếu của đơn vị khi tiêu thụ. Khách hàng theo phương thức này đa phần là các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH,...thuộc địa phận thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Việc mua bán hàng hóa đều có căn cứ vào các hợp đồng kinh tế đã được ký kết để xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm mỗi bên.

Phương thức bán lẻ: Bán hàng qua hệ thống cửa hàng xăng dầu của đơn vị cho khách hàng đường bộ cũng như đường biển.

**Phương thức thanh toán** tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữ hai bên hoặc thực hiện theo hợp đồng đã ký kết. Đơn vị áp dụng phương pháp thanh toán trực tiếp (thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) và phương thức thanh toán chậm (khách hàng mua chịu).

**2.2.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại đơn vị**

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT – 3LL) đặt giấy than viết 1 lần:

- ✓ Liên 1 (màu tím): Lưu
- ✓ Liên 2 (màu đỏ): Giao khách hàng
- ✓ Liên 3 (màu xanh): Lưu hành nội bộ

- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)

- Giấy báo có
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

***TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Do đơn vị có nhiều bộ phận, phòng ban nên tài khoản 511 được đơn vị lựa chọn hạch toán riêng cho từng bộ phận được theo dõi chi tiết:

- TK 5111 : Phòng kinh doanh xăng dầu
- TK 51131: Phòng vận tải
- TK 51132: Phòng kinh doanh dịch vụ hàng hải
- TK 51133: Bộ phận cho thuê kho bãi, cầu bến
- TK 51134: Bộ phận sửa chữa và dịch vụ tàu thủy

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

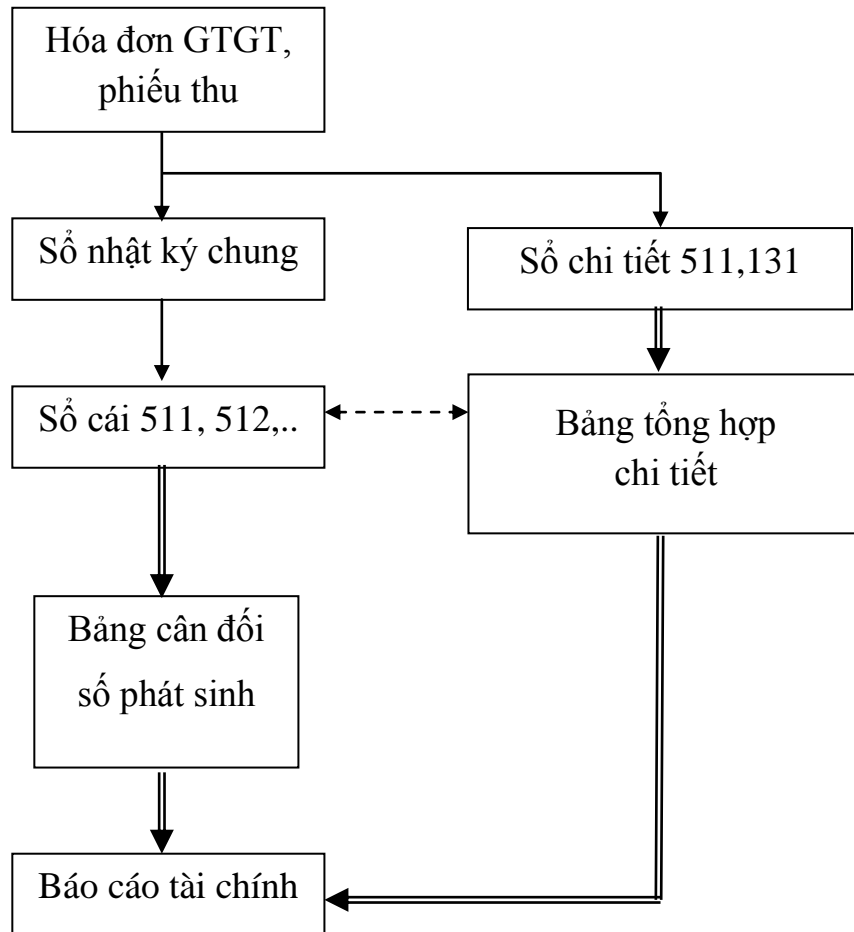
TK 131: Phải thu khách hàng

❖ **Hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết TK 131
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Bảng tổng hợp doanh thu
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK: 131, 511,...

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luận chuyên chứng từ sau:

**Trình tự ghi sổ kế toán**  
**theo hình thức kế toán nhật ký chung.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ← - - →

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 111, 131,...Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK 511, 131.

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng

tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết). Từ các sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối SPS. Cuối kỳ, căn cứ vào bảng cân đối SPS, bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC.

**VD:** Ngày 07/12/2011 Phòng Xăng dầu xuất bán dầu DO cho công ty TNHH TM & XD Đông Hải chưa thu tiền.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 131	:	19.912.493
Có TK 511	:	17.488.630
Có TK 33311	:	1.748.863
Có TK 1388	:	675.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.1.1), đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK131 (biểu 2.1.2), Sổ chi tiết TK 511 (biểu 2.1.3).

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu 2.1.4) và Sổ cái TK 131 (biểu 2.1.5) và các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết TK 131, Sổ chi tiết TK 511, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng (biểu 2.1.6), bảng tổng hợp chi tiết phải thu TK 131 (biểu 2.1.7). Đồng thời, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản có liên quan kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối SPS. Từ bảng cân đối SPS và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.



**HOÁ ĐƠN**

Mẫu số: 01GTKT3/001

**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ký hiệu (Serial):AA/11P

Liên 3: Hạch toán nội bộ (For payment)

Số (Number): **0039530**

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng (Sale company):

**XNKD XĂNG DẦU****CN CTY CP VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XD**

Mã số thuế (Tax code): 0213005181

Địa chỉ (Address): 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại (Tel): ..... \*Fax:.....

Số tài khoản (Account code) : ..... Tại (At):.....

Họ tên người mua hàng(Customer's name): CH XD Đông Hải

Đơn vị (Organization) : Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải

Mã số thuế (Tax code): 0200615297

Địa chỉ (Address) : Km 103 – Q.lộ 5 – Ng Bình Khiêm – Đông Hải - HP

Hình thức thanh toán (Kind of payment): CK Số TK (Account code):.....

STT (Item)	Tên hàng hoá,dịch vụ (Description)	ĐV tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount) VNĐ
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Dầu DO	lít	1.350	12.954,54	17.488.630
Cộng tiền hàng					17.488.630
Thuế suất GTGT (VAT rate) : 10%      Tiền thuế GTGT(VAT amount)					1.748.863
LPXD: 675.000      Tổng cộng tiền thanh toán(Grand total)					19.912.493
Số tiền viết bằng chữ (In words): Mười chín triệu chín trăm mười hai ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng chẵn./.					

**Người mua hàng****Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

Buyer

Seller

Chief officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký,đóng dấu,ghi rõ họ tên)

(Signature,full name)

(Signature,full name)

(Signature,seal,full name)

**Biểu 2.1.1:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	....	.....			
07/12/ 2011	PX 52/12	P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng	632	17.090.959	17.090.959  1.748.863 17.488.630 675.000
			156		
			131	19.912.493	
	HD 0039530		33311		
			5111 1388		
		.....			
31/12/ 2011	SP 18/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải tháng 12/2011	1121 515	301.031	301.031
31/12/ 2011	GBN 483/HH	Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	635 112	27.431.642	27.431.642
31/12/ 2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011- 31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/ 2011	PKT 72/12	Xác định kết quả hoạt động giá vốn từ 01/10/2011-31/12/2011	911 632	36.517.171.892	36.517.171.892
31/12/ 2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011- 31/12/2011	911 641	472.969.915	472.969.915
31/12/ 2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí quản lý từ 01/10/2011- 31/12/2011	911 642	443.042.936	443.042.936
31/12/ 2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011- 31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/ 2011	PKT 73/12	Xác định kết quả HDTC từ 01/10/2011- 31/12/2011	515 911	4.438.629	4.438.629
31/12/ 2011	PKT 73/12	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5111 5123 911	37.857.839.753 10.000.000	37.867.839.753
31/12/ 2011	PKT 73/12	Kết chuyển lãi lỗ từ 01/10/2011-31/12/2011	421 911	88.878.732	88.878.732
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.1.2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

Phòng xăng dầu – TK 131 theo dõi cho KH: Cty TNHH TM & XD Đông Hải

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

**Dư đầu kỳ**

**2.594.813.986**

**0**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SPS		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		.....					
HĐ 0039510	02/12/ 2011	Phòng XD xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM & XD Đông Hải	33311 5111 1388	1.755.340 17.553.402 677.500	0	1.853.127.640 1.870.681.042 1.871.358.542	0 0 0
HĐ 0039511	02/12/ 2011	Phòng XD xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM & XD Đông Hải	33311 5111 1388	14.249.994 1.424.999 550.000	0	1.885.608.536 1.887.033.535 1.887.583.535	0 0 0
GBC 552C	03/12/ 2011	Cty TNHH TM & XD Đông Hải trả tiền hàng – P. XD	1121	0	90.000.000	1.797.583.535	0
GBC 785C	07/12/ 2011	Cty TNHH TM & XD Đông Hải trả tiền hàng – P. XD	1121	0	121.400.000	1.676.183.535	0
		.....		.....	.....		
HĐ 0039530	07/12/ 2011	Phòng XD xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM & XD Đông Hải	33311 5111 1388	1.748.863 17.488.630 675.000	0	1.952.352.733 1.969.841.363 1.979.516.363	0 0 0
		.....					
<b>CỘNG</b>				<b>8.377.637.927</b>	<b>8.210.000.000</b>	<b>2.762.451.913</b>	<b>0</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.1.3:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**

TK 511 – 5111

Tên bộ phận: Phòng xăng dầu

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
						Nợ	Có		
		.....							
HĐ 0039520	03/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty TNHH Hoa Phượng	131	4.000	12.954,54		51.818.160		
HĐ 0039521	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty CP Màu Xanh	131	1.100	12.954,54		14.249.994		
HĐ 0039522	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Hải đoàn 128 – QC Hải quân	131	1.078	12.954,54		13.964.994		
		.....							
<b>HĐ 0039530</b>	<b>07/12/ 2011</b>	<b>Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>131</b>	<b>1.350</b>	<b>12.954,54</b>		<b>17.488.630</b>		
		.....							
		<b>CỘNG</b>				<b>31.770.410.246</b>	<b>31.770.410.246</b>		

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.1.4:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ

0

0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
HĐ 0039507	01/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của DNTN Anh Việt	131		94.384.091
		.....			
HĐ 0039519	03/12/ 2011	Dthu + VAT cước v/c XM tàu H.Anh – Cty DV TM Đà Nẵng	131		129.545.800
HĐ 0039520	03/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty TNHH Hoa Phượng	131		51.818.160
		.....			
<b>HĐ 0039530</b>	<b>07/12/ 2011</b>	<b>Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>131</b>		<b>17.488.630</b>
		.....		...	....
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>37.857.839.753</b>	<b>37.857.839.753</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.1.5:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ

**7.519.676.834**

**0**

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		.....			
GBC 113	02/12/ 2011	Cty CP VT và TM Tùng Khánh trả tiền dầu	1121		50.000.000
GBC 118	02/12/ 2011	Cty CP TM VTài Hoàng Sơn trả tiền dầu	1121		400.152.744
GBC 124	03/12/ 2011	Cty LD khai thác container VN trả tiền dầu	1121		40.000.000
		.....			
<b>HĐ 0039530</b>	<b>07/12/ 2011</b>	<b>Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>33311 5111 1388</b>	<b>1.748.863 17.488.630 675.000</b>	
		.....		...	....
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>34.044.172.240</b>	<b>35.020.827.910</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>6.543.021.164</b>	

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.1.6:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu

557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

STT	Tên bộ phận	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Phòng xăng dầu			31.770.410.246	31.770.410.246		
02	Phòng vận tải			2.229.678.171	2.229.678.171		
03	Phòng Kinh doanh – Dịch vụ hàng hải			588.636.800	588.636.800		
04	Bộ phận cho thuê kho bãi, cầu bến			401.137.244	401.137.244		
05	Bộ phận S/c và DV tàu thủy			2.867.977.292	2.867.977.292		
<b>Tổng cộng</b>				<b>37.857.839.753</b>	<b>37.857.839.753</b>		

Ngày .....tháng...năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.1.7:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu

557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

STT	Tên cấp	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	DNTN Anh Việt	342.224.479		3.607.877.390	3.167.500.000	782.601.869	
02	Cty TNHH Hoa Phượng	173.533.070		0	30.000.000	143.533.070	
03	Cty CP Huyền Trang	740.604.980		382.162.200	376.338.600	746.428.580	
04	<b>Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>2.594.813.986</b>		<b>8.377.637.927</b>	<b>8.210.000.000</b>	<b>2.762.451.913</b>	
05	Cty CP Công trình vận tải	434.720.656		1.849.751.000	1.127.200.000	157.271.656	
06	Cty CP Màu Xanh	887.959.934		0	210.000.000	677.959.934	
	.....						
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.678.903.185</b>	<b>159.226.351</b>	<b>34.044.172.240</b>	<b>35.020.827.910</b>	<b>6.604.956.038</b>	<b>61.934.874</b>

Ngày .....tháng...năm.....

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán**

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu kinh doanh mặt hàng xăng dầu là chủ yếu, các mặt hàng phụ là các mặt hàng dầu nhờn, vật liệu máy móc tàu thủy.... Trong quá trình bán hàng, ngoài việc nhập kho hàng hóa như thông thường, đơn vị có thể xuất bán luôn nên hàng hóa sẽ được đơn vị mua hàng nhưng không nhập kho mà giao ngay cho đại lý cấp dưới hoặc khách hàng.

Hàng hóa của đơn vị chủ yếu nhập từ các nguồn trong nước thông qua việc mua lại hàng hóa của doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này. Hai nguồn nhập chủ yếu là Công ty cổ phần thương mại Gia Trang và Công ty xăng dầu khu vực III.

Đơn vị áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả theo kịp sự biến động liên tục của mặt hàng xăng dầu trong thời gian gần đây.

**VD:** Ngày 07/12/2011 Phòng Xăng dầu xuất bán dầu DO cho công ty TNHH TM & XD Đông Hải chưa thu tiền. Đơn giá hàng xuất kho được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{(19.572 \times 12.366,05 + 41.985 \times 12.796,99)}{(19.572 + 41.985)} \\ \text{liên hoàn} & \\ &= 12.659,97 (\text{đ}) \end{aligned}$$

$$\text{Giá vốn hàng bán ngày 07/12/2011} = 12.659,97 \times 1.350 = 17.090.959 (\text{đ})$$

**❖ Tài khoản sử dụng:**

- *TK 156: Hàng hóa*
- *TK 632: Giá vốn hàng bán*

Đề hạch toán giá vốn hàng bán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản được kế toán đơn vị theo dõi chi tiết trên các tài khoản:

- TK 6321 : Giá vốn hàng bán Phòng xăng dầu
- TK 63231 : Phòng vận tải
- TK 63232 : Phòng kinh doanh dịch vụ hàng hải....
- TK 63233 : Bộ phận cho thuê kho bãi, cầu bến
- TK 63234 : Bộ phận sửa chữa và dịch vụ tàu thủy

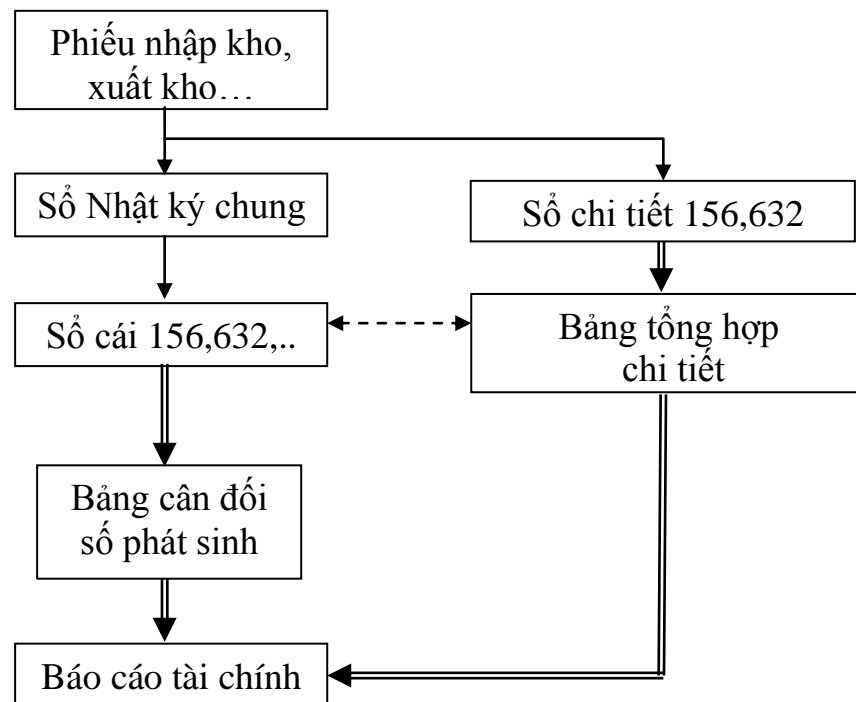
**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 02 – VT)
- Các chứng từ khác liên quan

**❖ Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết tài khoản 156, 632...
- Sổ tổng hợp 156, 632,...
- Sổ cái TK 156, 632...

**Trình tự ghi sổ kế toán  
theo hình thức kế toán nhật ký chung.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày           →
- Ghi cuối kỳ           ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra   <- ->

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như phiếu xuất kho, phiếu nhập kho đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 156, 632...Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK156, 632.

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết). Số liệu từ các sổ cái được sử dụng để lập bảng cân đối SPS và từ bảng cân đối SPS và bảng tổng hợp chi tiết được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

**VD:** Ngày 07/12/2011 Phòng Xăng dầu xuất bán dầu DO cho công ty TNHH TM & XD Đông Hải chưa thu tiền.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 632                   : 17.090.959

Có TK 156                 : 17.090.959

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.2.1), đồng thời ghi vào Sổ chi tiết TK156, Sổ chi tiết TK 632 (biểu 2.2.2).

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 156, Sổ cái TK 632 (biểu 2.2.3).

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ chi tiết TK 632 kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán (biểu 2.2.4), Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn. Căn cứ vào Sổ cái TK632 và các sổ cái các tài khoản khác có liên quan kế toán lập bảng cân đối SPS. Từ bảng cân đối SPS và bảng tổng hợp chi tiết lập BCTC.

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 07 tháng 12 năm 2011*

Phiếu số: 52/12

TK nợ: 632

TK có: 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hậu. Bộ phận: kinh doanh

Theo HĐ số:.....

Biên bản kiểm nghiệm số:.....

Lý do xuất: xuất hàng bán

Xuất tại bộ phận: P. Xăng dầu

<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
Dầu DO	lít	1.350	12.659,97	17.090.959	
			Cộng	17.090.959	

Bằng chữ: Mười bảy triệu không trăm chín mươi ngàn chín trăm lăm mươi chín đồng chẵn./.

*Xuất, ngày 07 tháng 12 năm 2011*

**Bộ phận cung ứng**    **Người nhận**    **Thủ kho**    **Kế toán trưởng**    **Giám đốc**  
(Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)    (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.2.1:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		.....			
<b>07/12/2011</b>	<b>PX 52/12</b> <b>HD 0039530</b>	<b>P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng</b>	<b>632</b> <b>156</b> 131 33311 5111 1388	<b>17.090.959</b>  19.912.493	<b>17.090.959</b>  1.748.863 17.488.630 675.000
		.....			
31/12/2011	SP 18/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải tháng 12/2011	1121 515	301.031	301.031
31/12/2011	GBN 483/HH	Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	635 112	27.431.642	27.431.642
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả hoạt động giá vốn từ 01/10/2011-31/12/2011	911 632	36.517.171.892	36.517.171.892
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011-31/12/2011	911 641	472.969.915	472.969.915
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí quản lý từ 01/10/2011-31/12/2011	911 642	443.042.936	443.042.936
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả HDTC từ 01/10/2011-31/12/2011	515 911	4.438.629	4.438.629
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5111 5123 911	37.857.839.753 10.000.000	37.867.839.753
31/12/2011	PKT 73/12	Kết chuyển lãi lỗ từ 01/10/2011-31/12/2011	421 911	88.878.732	88.878.732
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

Ngày ... tháng ... năm ...  
**Giám đốc**

**Biểu 2.2.2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG**

TK 632 – 6321

Tên bộ phận: Phòng xăng dầu

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....					
PX 42/12	03/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty TNHH Hoa Phượng	156	4.000	12.659,97	50.639.880	
PX 43/12	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty CP Màu Xanh	156	1.100	12.659,97	13.925.967	
PX 44/12	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Hải đoàn 128 – QC Hải quân	156	1.078	12.659,97	13.647.448	
		.....					
<b>PX 52/12</b>	<b>07/12/ 2011</b>	<b>Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>156</b>	<b>1.350</b>	<b>12.659,97</b>	<b>17.090.959</b>	
		.....					
<b>CỘNG</b>						<b>31.021.910.765</b>	<b>31.021.910.765</b>

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngày ... tháng ... năm ...

**Biểu 2.2.3:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ                                    0                                    0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		.....			
PX 49/12	04/12/ 2011	P.KDXD xuất dầu DO – Phải thu của khách hàng	156	17.166.919	
PX 50/12	04/12/ 2011	P.KDXD xuất dầu DO – Phải thu của khách hàng	156	14.483.006	
PX 51/12	07/12/ 2011	P.KDXD xuất dầu DO – Phải thu của khách hàng	156	20.926.930	
<b>PX 52/12</b>	<b>07/12/ 2011</b>	<b>P.KDXD xuất dầu DO – Phải thu của khách hàng</b>	<b>156</b>	<b>17.090.959</b>	
		.....			
<b>Tổng số phát sinh</b>				<b>36.517.171.892</b>	<b>36.517.171.892</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>					

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**



**Biểu 2.2.4:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu

557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

STT	Tên bộ phận	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Phòng xăng dầu			31.021.910.765	31.021.910.765		
02	Phòng vận tải			2.088.221.942	2.088.221.942		
03	Phòng Kinh doanh – Dịch vụ hàng hải			474.195.112	474.195.112		
04	Bộ phận cho thuê kho bãi, cầu bến			345.746.605	345.746.605		
05	Bộ phận S/c và DV tàu thủy			2.587.097.468	2.587.097.468		
<b>Tổng cộng</b>				<b>36.517.171.892</b>	<b>36.517.171.892</b>		

Ngày .....tháng...năm.....

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.****2.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng tại đơn vị là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp sản phẩm, cung cấp hàng hóa bao gồm chi phí lưu kho bãi, chi phí bảo quản, phí vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

**❖ Tài khoản sử dụng:**

**TK 641: Chi phí bán hàng**

**Các TK có liên quan: TK 111, TK 112,...**

**❖ Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 641
- Sổ Nhật ký chung
- Các sổ sách khác có liên quan

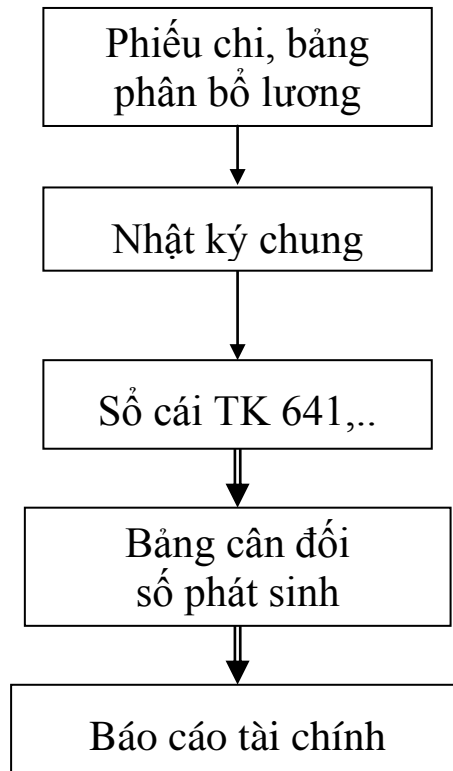
**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT - 3LL)
- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo có
- Bảng thanh toán lương (mẫu số 02 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao (mẫu số 06 – TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

**❖ Trình tự luân chuyển chứng từ:**

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:

**Trình tự ghi sổ kế toán  
theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu :  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 641.

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK 641 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối SPS. Từ sổ bảng tổng hợp cân đối SPS kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

**VD:** Ngày 31/12/2011, thanh toán tiền điện, nước, phí vệ sinh cho phòng xăng dầu tổng cộng số tiền 10.103.698 đồng (đã bao gồm thuế GTGT)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT của các khoản điện, nước, vệ sinh; phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 641 : 9.380.381

Nợ TK 133 : 723.317

Có TK 1111 : 10.103.698

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu 2.3.1), đồng thời thủ quỹ ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ TK 641 (biểu 2.3.2), TK 133, TK111.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 641, Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 133, kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối SPS. Từ bảng cân đối SPS kế toán lập Báo cáo tài chính.

Đơn vị: **PHIẾU CHI** Quyển số: Mẫu số 02 – TT  
Bộ phận: Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số:106/12 Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
Mã đơn vị: Nợ 641: ngày 20 tháng 3 năm 2006  
Nợ 133: của Bộ trưởng BTC  
CÓ 111:

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Anh

Địa chỉ: P. Xăng dầu - XN kinh doanh xăng dầu

Lý do thu: Thanh toán tiền điện, nước, phí vệ sinh

Số tiền: 10.103.698

Bằng chữ: Mười triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng chẵn ./.

Kèm theo.....chứng từ kế toán

Ngày tháng năm

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
 ----- \*\* -----

----- \*\* -----

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

## **GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

**Kính gửi:**      - GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU  
 CHI NHÁNH CTY CP VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU  
 - PHÒNG KINH TẾ - TÀI CHÍNH

Tên tôi là: Nguyễn Thị Ngọc Anh                      Chức vụ: Nhân viên P.xăng dầu

Đơn vị công tác: Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu

Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền điện, nước và phí vệ sinh  
 (Cửa hàng xăng dầu)

Kèm theo chi tiết và chứng từ: .....

STT	Nội dung	Số tiền (đ)
1	Điện sinh hoạt	6.190.378
2	Nước sinh hoạt	3.853.320
3	Phí vệ sinh	60.000
<b>Cộng</b>		<b>10.103.698</b>
<b>Bằng chữ:</b> Mười triệu một trăm linh ba nghìn sáu trăm chín mươi tám đồng chẵn./.		

Đề nghị Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu duyệt thanh toán số tiền trên cho tôi.

**GIÁM ĐỐC XN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

**BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ  
( DÙNG ĐỂ THU PHÍ VỆ SINH)**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Khách hàng lưu trong 12 tháng)

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 1 Lý Tự Trọng – Hải Phòng - Điện thoại: 031.3842144

Mã khách hàng: **617718**

Tên khách hàng: Cửa hàng xăng dầu - XN KINH DOANH XĂNG DẦU

Địa chỉ khách hàng: 596 ĐƯỜNG 5A1

Mẫu số: **01 – 05/BLP01**Ký hiệu: **BA/11P**Số hóa đơn: **0244577**Mã số thuế: **0200149536**

Kỳ hóa đơn: 12/2011

Ngày lập biên lai: 22/11/2011

Diễn giải	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Hộ Kinh doanh	Hộ	1	60.000	60.000
Tổng cộng tiền thanh toán				60.000

Bằng chữ: Sáu mươi nghìn đồng chẵn ./.

**Khách hàng****Người thu tiền**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**



**Thôn Do Nha, xã Tân Tiến,  
huyện An Dương, Hải Phòng**  
**Tel/Fax: 031. 3871589**  
**MST: 0200933035**  
**TK: 32110000486469**

**Ngân hàng Đầu tư & Phát triển  
Việt Nam – CN Hải Phòng**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

**THU TIỀN NƯỚC**

Liên 2: Giao cho người mua  
(Đề nghị giữ hóa đơn này trong 12 tháng)

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Hồng Dương

Phí TN: Phí thoát nước

Danh bạ khách hàng: 6633662      Danh bạ điểm dùng: 6633453      Mẫu số: 01GTKT-02NL-01  
 Tên: Cửa hàng xăng dầu - XN kinh doanh xăng dầu      Ký hiệu: AA/11T  
 Địa chỉ: Km 7,5 – Tổ 3 – Khu 5/1      Số: **0071390**  
 Mã số thuế: 0213005181      Seri ĐH: GKM03040539  
 Định mức: 0      Mã ĐH: 44      Tuyến: 10

Mã hóa đơn: 17953167      Tính từ ngày: 05/11/2011      Chỉ số cũ: 23068      Hệ số: 1  
 Hóa đơn tháng: 12/2011      Đến ngày: 05/12/2011      Chỉ số mới: 23462      Tiêu thụ: 394

Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	VAT 5%	Phí TN 15%
Kinh doanh	394	8.150	3.211.100	160.555	481.665
<b>Cộng</b>			<b>3.211.100</b>	<b>160.555</b>	<b>481.665</b>

Tổng số tiền bằng chữ: Ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai  
mươi đồng

**3.853.320**





**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC**  
NORTHERN POWER CORPORATION

Kỳ: 1

**HÓA ĐƠN GTGT ( TIỀN ĐIỆN)**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Từ ngày: 12/11

đến ngày 11/12/2011

Mẫu số: 01 GTKT2/001

Ký hiệu: AA/11T

Số: 3028086

CÔNG TY TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ: 93 Lê Đại Hành - HP

Điện thoại: 0312210244

MST 0200340211 – 001

ĐT sửa chữa: 0312213385

Tên khách hàng: Cửa hàng xăng dầu - XN kinh doanh xăng dầu

Địa chỉ: Km 7,5 – Tổ 3 – Khu 5/1

Điện thoại:

MST: 0213005181

Số công tơ: 94199487

Số hộ: 1

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KD	29.835	26.952	1	2.883	1.952	5.627.616
Ngày 14 tháng 12 năm 2011						
<b>Bên bán điện</b>						
Nguyễn Quang Vinh			Cộng	2.883		5.627.616
			Thuế suất GTGT: 10%		Thuế GTGT	562.762
			Tổng cộng tiền thanh toán			6.190.378
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng						

**Biểu 2.3.1:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	....	.....			
07/12/ 2011	PX 52/12  HĐ 0039530	P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng	632 156 131 33311 5111 1388	17.090.959  19.912.493	17.090.959  1.748.863 17.488.630 675.000
		.....			
11/12/ 2011	PT- 20/12	Giang – Đóng góp cho công ty vay vốn	1111 311	300.000.000	300.000.000
16/12/ 2011	PT 27/12	Mai – Lĩnh tiền ngân hàng về nhập quỹ	1111 1121	140.000.000	140.000.000
		.....			
20/12/ 2011	PC 66/12	Thanh toán tiền chi phí đổi ngoại	642 1111	450.000	450.000
		.....			
31/12/ 2011	PC 106/12	Thanh toán tiền điện, nước, vệ sinh – P. xăng dầu	641 133 1111	9.380.381 723.317	10.103.698
		.....			
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu 2.3.2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ 0 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		.....			
SP 2/12	02/12/ 2011	Phí chuyển tiền + thuế (P.XD)	1121	43.500	
CT 2/12	03/12/ 2011	Chi phí nhiên liệu xe 13-93	1368	10.418.626	
SP 3/12	03/12/ 2011	Phí chuyển tiền + thuế (P.XD)	1121	39.000	
SP 4/12	07/12/ 2011	Phí chuyển tiền + thuế (P.XD)	1121	10.000	
		.....			
PC 106/12	31/12/ 2011	Thanh toán tiền điện, nước, vệ sinh - P. xăng dầu	1111	9.380.381	
PKT 71/12	31/12/ 2011	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011 - 31/12/2011	911		472.969.915
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>472.969.915</b>	<b>472.969.915</b>
		Số dư cuối kỳ			

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại đơn vị là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, chi phí mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng, các khoản trích theo lương, chi phí tiếp khách....

**❖ Tài khoản sử dụng:**

*Tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp*

*Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112...*

**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT ( mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT)
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao ( mẫu số 06 – TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

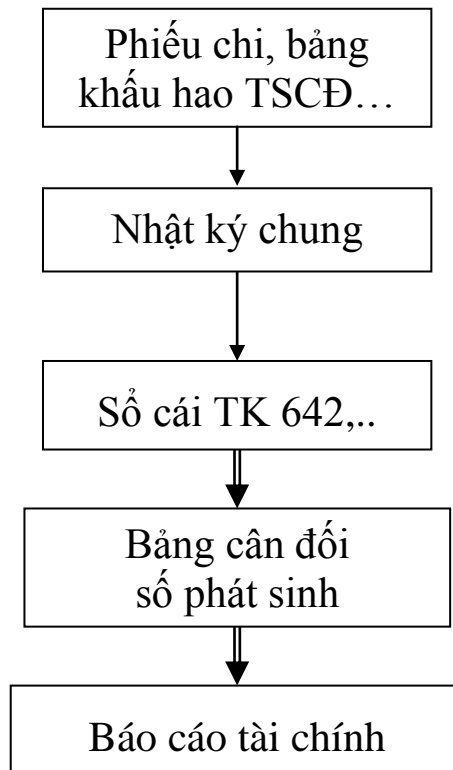
**❖ Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 642
- Các sổ sách có liên quan.

**❖ Trình tự luân chuyển chứng từ:**

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:

**Trình tự ghi sổ kế toán  
theo hình thức Nhật ký chung**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu :  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK 642 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối SPS. Từ sổ bảng tổng hợp cân đối SPS kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

**VD:** Ngày 20/12/2011 Phòng KT – Tài chính thanh toán tiền chi phí đối ngoại.

Căn cứ vào Phiếu chi số 66/12 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 642 : 450.000

Có TK 1111 : 450.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.4.1) đồng thời thủ quỹ ghi vào sổ Quỹ tiền mặt.

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (biểu 2.4.2), Sổ cái TK 111.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 111 kế toán kiểm tra lập Bảng cân đối SPS và từ bảng cân đối SPS lập Báo cáo tài chính.

Đơn vị:	<b>PHIẾU CHI</b>	Quyển số:	Mẫu số 02 – TT
Bộ phận:	Ngày 20 tháng 12 năm 2011	Số:66/12	Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Mã đơn vị:		NỢ: 642	ngày 20 tháng 3 năm 2006
		CÓ: 111	của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nộp tiền: Trần Văn Thắng

Địa chỉ: Phòng KT – Tài chính

Lý do thu: Thanh toán tiền chi phí đối ngoại

Số tiền: 450.000

Bằng chữ: Bốn trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn ./.

Kèm theo.....chứng từ kế toán

Ngày tháng năm

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----  
**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Kính gửi: Lãnh đạo Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu.

Tên tôi là: Trần Văn Thắng – nhân viên công ty

Bộ phận: Phòng Kinh tế - Tài chính

Tôi xin được thanh toán tiền mua vòng hoa phúng viếng bố đẻ ông Nguyễn Ngọc Thạch – nhân viên phòng xăng dầu.

- 01 vòng hoa : 150.000 đ

- Phúng viếng : 300.000 đ

**Tổng cộng : 450.000 đ**

( Bằng chữ: Bốn trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn./.)

Vậy tôi làm giấy này kính đề nghị lãnh đạo công ty cho tôi thanh toán số tiền trên.

Tôi xin chân thành cảm ơn ./.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2011.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người đề nghị**



**Biểu 2.4.1:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	....	.....			
07/12/ 2011	PX 52/12  HĐ 0039530	P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng	632 156 131 33311 5111 1388	17.090.959  19.912.493	17.090.959  1.748.863 17.488.630 675.000
		.....			
11/12/ 2011	PT- 20/12	Giang – Đóng góp cho công ty vay vốn	1111 311	300.000.000	300.000.000
16/12/ 2011	PT 27/12	Mai – Linh tiền ngân hàng về nhập quỹ	1111 1121	140.000.000	140.000.000
		.....			
20/12/ 2011	PC 66/12	Thanh toán tiền chi phí đối ngoại	642 1111	450.000	450.000
		.....			
31/12/ 2011	PC 106/12	Thanh toán tiền điện, nước, vệ sinh – P. xăng dầu	641 133 1111	9.380.381 723.317	10.103.698
		.....			
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.4.2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
PC 2/12	03/12/2011	Thanh toán tiền học lớp ATLD-PCCN	1111	600.000	
GBN 3/12	03/12/2011	Phí chuyển tiền + thuế	1121	45.000	
PC 4/12	06/12/2011	Thanh toán tiền s/c điện, sơn lại công đvị	1111	1.438.000	
GBN 4/12	06/12/2011	Thanh toán tiền mua tạp chí	1121	102.000	
GBN 5/12	06/12/2011	Phí chuyển tiền + thuế	1121	45.600	
		.....			
<b>PC 66/12</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Thanh toán tiền chi phí đối ngoại</b>	<b>1111</b>	<b>450.000</b>	
PKT 72/12	31/12/2011	Phân bổ chi phí quản lý DN từ 01/10/2011 – 31/12/2011	911		443.042.936
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>443.042.936</b>	<b>443.042.936</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**2.2.4 Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.****2.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính của đơn vị bao gồm tiền lãi gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh. Các chứng từ, số liệu phải đảm bảo tuân thủ pháp luật theo đúng các qui định của Nhà nước.

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng:**

- TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112 – tiền gửi ngân hàng
- TK 111 – tiền mặt
- Các tài khoản liên quan

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo tài khoản ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

**2.2.4.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính,**

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

Chi phí hoạt động tài chính của đơn vị là các khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái.

**❖ Tài khoản kế toán sử dụng:**

- TK 635 – chi phí hoạt động tài chính
- TK 111 – tiền mặt
- TK 112 – tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản liên quan

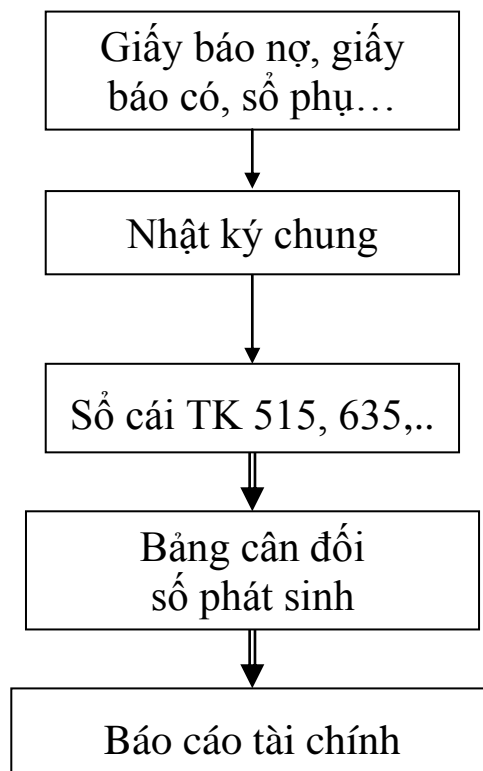
❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu thu, giấy báo nợ, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo tài khoản của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

**2.2.4.3 Phương pháp hạch toán.**

Công tác kế toán được mô tả theo chu trình luân chuyển chứng từ sau:

**Trình tự kế toán**  
**theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :  $\longrightarrow$

Ghi cuối kỳ :  $\Longrightarrow$

Đối chiếu :  $\longleftarrow\text{---}\longrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515, 635...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái TK 515, 635 và các tài khoản có liên quan để lập Bảng cân đối SPS. Từ sổ bảng tổng hợp cân đối SPS kế toán dùng để lập Báo cáo tài chính.

**VD1:** Ngày 31/12/2011, đơn vị xác định lãi tiền gửi Ngân hàng Hàng Hải tháng 12/2011

Căn cứ vào Phiếu tính lãi tiền gửi và sổ phụ kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 112                   :           301.031

Có TK 515                 :           301.031

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.5.1); Đồng thời kế toán ghi vào sổ tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 515 (biểu 2.5.2), TK112.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 515 và các sổ sách có liên quan, kế toán kiểm tra và đối chiếu lập Bảng cân đối SPS. Từ bảng cân đối SPS kế toán lập Báo cáo tài chính.

**VD2:** Ngày 31/12/2011, ngân hàng Hàng Hải thông báo lãi phải trả tháng 12/2011 cho xí nghiệp kinh doanh xăng dầu.

Căn cứ vào Giấy báo nợ, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ sách kế toán:

Nợ TK 635                   :           27.431.642

Có TK 112                   :           27.431.642

Từ bút toán trên vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.5.1); Đồng thời kế toán ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 635 (biểu 2.5.3), TK112.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 635, TK112 và các sổ sách có liên quan, kế toán kiểm tra và đối chiếu lập Bảng cân đối SPS và Báo cáo tài chính.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

**PHIẾU TÍNH LÃI TIỀN GỬI KHÔNG KỲ HẠN**

( Từ: 01/12/2011 – 31/12/2011)

Tài khoản 020.01.01.000607.05

XN KINH DOANH XĂNG DẦU

<b>Đến ngày</b>	<b>Số dư</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Lãi tích lũy</b>
01/12/2011	151.144.551.00	5,8 %/ năm	24.351,07
02/12/2011	1.096.701.00	5,8 %/ năm	24.527,76
03/12/2011	1.867.380.00	5,8 %/ năm	24.828,61
.....	.....	.....	.....
27/12/2011	2.103.094.00	5,8 %/ năm	75.116,20
28/12/2011	287.506.056.00	5,8 %/ năm	121.436,62
29/12/2011	2.495.056.00	5,8 %/ năm	121.838,61
30/12/2011	409.117.702.00	5,8 %/ năm	187.752,01
<b>31/12/2011</b>	<b>703.110.002.00</b>	<b>5,8 %/ năm</b>	<b>301.030,85</b>
<b>Lập biểu</b>		<b>Kiểm soát</b>	

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

VP Hải Phòng

**SỔ PHỤ TÀI KHOẢN**

Ngày: 31/12/2011

Số: 3756  
 XN KINH DOANH XĂNG DẦU

Tài khoản 020.01.01.000607.05 (VNĐ)

CN CTY CP VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU

Ngày	Giao DV	So Sec	Phat sinh no	Phat sinh co
Du dau ngay				409 117 702 .00
31/12/2011	DD020043		406 000 000.00	
31/12/2011	DD020043		7 700.00	
31/12/2011	DD020803			150 000 000.00
31/12/2011	DD020043	MD - 465884	150 000 000.00	
31/12/2011	FPTIBPS020			700 000 000.00
<b>31/12/2011</b>	<b>DD4400</b>			<b>301.030,85</b>
	Cong tich luy		556 007 700.00	850 149 671.00
	Cong tich luy thang		2 921 647 916.00	3 623 400 746.00
	Cong tich luy nam		34 250 351 660.00	34 520 550 514.00
	Du cuoi ngay			703 256 673.00



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã GDV : BATCH

Mã KH : 14502

Số GD : 483

Kính gửi:

***Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu – CN Cty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu***

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ	:	020.01.01.000607.05
Số tiền ghi bằng số	:	27.431.642
Số tiền viết bằng chữ	:	Hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng chẵn ./.
Nội dung	:	☞ Trả lãi tiền vay ☜

**Giao dịch viên****Kiểm soát viên**



**Biểu 2.5.1:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	....	.....			
07/12/2011	PX 52/12  HD 0039530	P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng	632 156 131 33311 5111 1388	17.090.959  19.912.493	17.090.959  1.748.863 17.488.630 675.000
		.....			
31/12/2011	SP 18/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải tháng 12/2011	1121 515	301.031	301.031
31/12/2011	GBN 483/HH	Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	635 112	27.431.642	27.431.642
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả hoạt động giá vốn từ 01/10/2011-31/12/2011	911 632	36.517.171.892	36.517.171.892
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011-31/12/2011	911 641	472.969.915	472.969.915
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí quản lý từ 01/10/2011-31/12/2011	911 642	443.042.936	443.042.936
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả HĐTC từ 01/10/2011-31/12/2011	515 911	4.438.629	4.438.629
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5111 5123 911	37.857.839.753 10.000.000	37.867.839.753
31/12/2011	PKT 73/12	Kết chuyển lãi lỗ từ 01/10/2011-31/12/2011	421 911	88.878.732	88.878.732
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.5.2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		.....			
SP 7/12	25/12/ 2011	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	1121		113.053
<b>SP 18/12</b>	<b>31/12/ 2011</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải</b>	<b>1121</b>		<b>301.031</b>
GBC 25/12	31/12/ 2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Công Thương	1121		801.528
GBC 55/12	31/12/ 2011	Lãi tiền gửi ngân hàng Nông nghiệp	1121		673.548
PKT 73/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả HĐTC	9112	4.438.629	
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>4.438.629</b>	<b>4.438.629</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.5.3:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Sổ cái**

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dư đầu kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		.....			
GBN 105/BIDV	31/12/ 2011	Lãi tiền vay ngân hàng Đầu tư	112	15.421.716	
GBN 207/NN	31/12/ 2011	Lãi tiền vay ngân hàng Nông nghiệp	112	24.112.341	
GBN 205/ACB	31/12/ 2011	Lãi tiền vay ngân hàng ACB	112	31.768.982	
<b>GBN 483/HH</b>	<b>31/12/ 2011</b>	<b>Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải</b>	<b>112</b>	<b>27.431.642</b>	
PKT 72/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả HĐTC	9112		527.972.371
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>527.972.371</b>	<b>527.972.371</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày ... tháng ... năm ...

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh****❖ Quy trình hạch toán**

- Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của đơn vị.

- Hạch toán kết quả kinh doanh của đơn vị dựa trên việc hạch toán các TK 511, 512, 632, 635, 641, 642.

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK911.

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì điều đó cho thấy trong năm đơn vị kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp Nhà nước như sau:

$$\text{Xác định thu nhập chịu thuế} = \text{SPS bên Có TK911} - \text{SPS bên Nợ TK911}$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

- Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “Lợi nhuận sau thuế”.

**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

**❖ Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản có liên quan: TK 511, TK 632,...

**VD:** Cuối tháng 12/2011, đơn vị thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4/2011.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sau đó, xác định thuế TNDN mà đơn vị phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi, lỗ của đơn vị trong kỳ. Sau đó, kế toán phản ánh vào Nhật ký chung và ghi Sổ cái TK 911, sổ cái TK 421.

Căn cứ vào Phiếu kế toán và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách bằng bút toán kết chuyển như sau:

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

+>Nợ TK 5111	:	37.857.839.753
Nợ TK 5123	:	10.000.000
Có TK 911	:	37.867.839.753

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

+>Nợ TK 515	:	4.438.629
Có TK 911	:	4.438.629

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển giá vốn:

+>Nợ TK 911	:	36.517.171.892
Có TK 632	:	36.517.171.892

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chi phí tài chính:

+>Nợ TK 911	:	527.972.371
Có TK 635	:	527.972.371

Cuối kỳ kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí:

+>Nợ TK 911	:	916.012.851
Có TK 641	:	472.969.915
Có TK 642	:	443.042.936

Xác định kết quả kinh doanh đơn vị như sau:

$$\begin{aligned} &= 37.867.839.753 - 36.517.171.892 + 4.438.629 - 527.972.371 - 916.012.851 \\ &= - 88.878.732 \end{aligned}$$

Nhìn vào kết quả trên, quý 4/2011 đơn vị đã bị lỗ 88.878.732 đồng. Do vậy quý này đơn vị không phải nộp thuế TNDN quý IV và định khoản lỗ như sau:

Xác định lỗ :

+>Nợ TK 421	:	88.878.732
Có TK 911	:	88.878.732

Từ các số liệu trên sẽ được tổng hợp lập các Phiếu kế toán (biểu 2.6.1 và biểu 2.6.2). Từ Phiếu kế toán, kế toán vào Sổ nhật ký chung (biểu 2.6.3).

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 911 (biểu biểu 2.6.4), Sổ cái TK 421 và các tài khoản có liên quan như TK632, 641...

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 911 và các sổ sách TK có liên quan kế toán kiểm tra và đối chiếu để lập bảng cân đối SPS. Từ bảng cân đối SPS kế toán lập BCTC.

**Biểu 2.6.1:**

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CN CTY CP VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU  
XN KINH DOANH XĂNG DẦU

Số: 72/12

**PHIẾU KẾ TOÁN****(Ghi nợ TK 911)**

Kèm theo:.....chứng từ gốc.

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn quý 4/2011	911	632	36.517.171.892
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính quý 4/2011	911	635	527.972.371
Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4/2011	911	641	472.969.915
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4/2011	911	642	443.042.936
<b>Tổng cộng</b>			<b>37.961.157.114</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ trách kế toán****Thủ trưởng đơn vị****Người lập chứng từ**

**Biểu 2.6.2:**

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CN CTY CP VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU  
XN KINH DOANH XĂNG DẦU

Số: 73/12

**PHIẾU KẾ TOÁN  
(Ghi có TK 911)**

Kèm theo:.....chứng từ gốc.

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4/2011	511	911	37.857.839.753
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4/2011	512	911	10.000.000
Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4/2011	515	911	4.438.629
Kết chuyển lãi lỗ quý 4/2011	421	911	88.878.732
<b>Tổng cộng</b>			<b>37.961.157.114</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ trách kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Người lập chứng từ



**Biểu 2.6.3:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xi nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**Nhật ký chung.**

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	....	.....			
07/12/2011	PX 52/12  HĐ 0039530	P.KDXD xuất dầu DO – phải thu khách hàng	632 156 131 33311 5111 1388	17.090.959  19.912.493	17.090.959  1.748.863 17.488.630 675.000
		.....			
31/12/2011	SP 18/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Hàng Hải tháng 12/2011	1121 515	301.031	301.031
31/12/2011	GBN 483/HH	Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	635 112	27.431.642	27.431.642
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả hoạt động giá vốn từ 01/10/2011-31/12/2011	911 632	36.517.171.892	36.517.171.892
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011-31/12/2011	911 641	472.969.915	472.969.915
31/12/2011	PKT 72/12	Phân bổ chi phí quản lý từ 01/10/2011-31/12/2011	911 642	443.042.936	443.042.936
31/12/2011	PKT 72/12	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	911 635	527.972.371	527.972.371
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả HĐTC từ 01/10/2011-31/12/2011	515 911	4.438.629	4.438.629
31/12/2011	PKT 73/12	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5111 5123 911	37.857.839.753 10.000.000	37.867.839.753
31/12/2011	PKT 73/12	Kết chuyển lãi lỗ từ 01/10/2011-31/12/2011	421 911	88.878.732	88.878.732
		<b>Tổng</b>		<b>172.646.184.196</b>	<b>172.646.184.196</b>

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...  
 Giám đốc

**Biểu 2.6.4:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S30B - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Dur đầu kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
PKT 72/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả hoạt động giá vốn từ 01/10/2011-31/12/2011	632	36.517.171.892	
PKT 72/12	31/12/ 2011	Phân bổ chi phí bán hàng từ 01/10/2011-31/12/2011	641	472.969.915	
PKT 72/12	31/12/ 2011	Phân bổ chi phí quản lý từ 01/10/2011-31/12/2011	642	443.042.936	
PKT 72/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả CPTC từ 01/10/2011-31/12/2011	635	527.972.371	
PKT 73/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả HĐTC từ 01/10/2011-31/12/2011	515		4.438.629
PKT 73/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5111		37.857.839.753
PKT 73/12	31/12/ 2011	Xác định kết quả hoạt động SX KD từ 01/10/2011-31/12/2011	5123		10.000.000
PKT 73/12	31/12/ 2011	Kết chuyển lãi lỗ từ 01/10/2011-31/12/2011	421		88.878.732
		<b>Tổng số phát sinh</b>		<b>37.961.157.114</b>	<b>37.961.157.114</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Giám đốc

**Biểu 2.6.5:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: B-02/DN  
 Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

2011

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37.867.839.753	36.312.449.532
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	37.867.839.753	36.312.449.532
4. Giá vốn hàng bán	11	36.517.171.892	34.775.913.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.350.667.861	1.536.535.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.438.629	29.629.396
7. Chi phí tài chính	22	527.972.371	329.174.404
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	527.972.371	329.174.404
8. Chi phí bán hàng	24	472.969.915	478.922.634
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	443.042.936	394.423.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	(88.878.732)	363.644.500
11. Thu nhập khác	31		
12. Chi phí khác	32		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(88.878.732)	363.644.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		90.911.125
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	(88.878.732)	272.733.375

Ngày ... tháng ... năm...

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc.**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU – CHI NHÁNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU****3.1 Đánh giá chung**

Trong nền kinh tế ngày một phát triển, đời sống của mọi người dân ngày một nâng cao thì nhu cầu về đi lại, vận chuyển càng cao với nhiều phương tiện, trang thiết bị hiện đại. Đồng thời, cuộc sống phát triển song hành cùng công cuộc sản xuất kinh doanh cũng theo đà phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, xu hướng này có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Qua mỗi bước phát triển của mình, ban lãnh đạo đơn vị đã phải đương đầu với không ít những khó khăn, thử thách từ nhiều phía khách quan lẫn chủ quan. Tuy vậy, đơn vị đã rất năng động để tự tìm hướng đi phù hợp để đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường. Góp phần không nhỏ trong quá trình vận động và phát triển đó phải kể đến những hiệu quả mà bộ máy kế toán đã mang lại với sự tổ chức chặt chẽ, tinh thần nhiệt tình và luôn hết mình của đội ngũ nhân viên.

Trong công tác kế toán, đội ngũ nhân viên được bố trí phù hợp, luôn học tập để theo kịp và đảm bảo yêu cầu cần thiết hoàn thành công việc được giao. Đơn vị thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu nguyên tắc kế toán đề ra. Để đáp ứng nhu cầu quản lý và xu thế chung của nền kinh tế mà vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định của nhà nước nên bộ phận kế toán đơn vị đã không ngừng cải tiến và hoàn thiện mình.

**3.1.1 Ưu điểm**

Nhìn tổng thể có thể thấy công tác kế toán ở đơn vị đã dựa trên căn cứ khoa học, ban lãnh đạo cũng như cán bộ chuyên trách bộ phận này đã theo dõi sát sao đặc điểm tình hình thực tế của đơn vị và vận dụng linh hoạt chế độ kế toán tài chính hiện hành.

**❖ Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng:**

Đơn vị lựa chọn sử dụng là hình thức kế toán Nhật ký chung. Phương pháp này không chỉ phù hợp với mô hình, quy mô đơn vị cho đến nay mà còn dễ ghi chép, mẫu sổ sách đơn giản gây thuận lợi cho cán bộ hạch toán.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong đơn vị đảm bảo:

- Mẫu sổ sách phù hợp quy định của Nhà nước và hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Việc phản ánh, ghi chép vào sổ sách, chứng từ các nghiệp vụ phát sinh được thực hiện đầy đủ, chính xác, đảm bảo tính nhất quán, rõ ràng và dễ hiểu. Việc xử lý và tổng hợp các dữ liệu cẩn thận.
- Công tác kế toán lưu trữ và bảo quản đúng quy định để đáp ứng nhu cầu đối chiếu kiểm tra trong nội bộ đơn vị cũng như các cơ quan tổ chức của Nhà nước.

**❖ Về công tác tổ chức kế toán:**

Đảm bảo tính pháp lý cho số liệu, sổ sách khi ghi chép đúng, đủ, kịp thời theo chính sách, chế độ tài chính quy định.

**❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là phù hợp với khối lượng công việc và trình độ chuyên môn cán bộ phòng kế toán. Cán bộ công nhân viên trách nhiệm, luôn tập trung trong công việc để cung cấp nhanh những thông tin cho các bộ phận có liên quan. Trong doanh nghiệp đã xây dựng và ban hành các văn bản có tính nội bộ áp dụng cho các hoạt động luân chuyển chứng từ, vận hành song song, thống nhất với quy định trong Chế độ kế toán do Nhà nước qui định.

**❖ Về hệ thống tài khoản sử dụng:**

Đơn vị áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo đúng quy định của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đảm bảo trong đơn vị không có hiện tượng tùy tiện đặt ra hoặc sửa đổi cách ghi chép của từng tài khoản.

**❖ Về hạch toán kế toán:**

Đơn vị thường xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tiêu thụ, cung cấp sản phẩm khoa học, linh hoạt theo biến động theo thị trường. Việc hạch toán các khoản chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo đúng về giá cả, chính xác về số lượng, tuân thủ về nguyên tắc, đầy đủ về chế độ hiện hành.

**3.1.2 Nhược điểm**

Dù có nhiều ưu điểm nhưng kế toán vẫn không tránh được còn tồn tại những mặt chưa phù hợp, còn nhiều mặt chưa tích cực gây phần nào kết quả đạt được nên đơn vị cần có những biện pháp khắc phục điểm còn hạn chế.

**❖ Về bộ máy kế toán và ghi chép sổ sách kế toán**

Trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán chủ yếu là trung cấp và cao đẳng. Do vậy trình độ chuyên môn có phần hạn chế nhất là với những nhân viên mới còn ít kinh nghiệm.

Hiện nay, công việc kế toán tại đơn vị vẫn thực hiện thủ công, tiến hành bằng tay nên việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ vẫn chậm, dễ nhầm lẫn, sai sót.

**❖ Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi với khách hàng:**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của đơn vị đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các chính sách ưu đãi sẽ góp phần lôi cuốn và thúc đẩy tâm lý mua hàng bởi khách hàng nào cũng muốn được hưởng lợi ích không chỉ do thương hiệu uy tín mà còn các khoản ưu đãi hấp dẫn. Hiện nay, đơn vị không áp dụng bất kỳ một chính sách ưu đãi nào như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán,... Các chính sách ưu đãi không được áp dụng sẽ gây ảnh hưởng: mất một lượng khách hàng, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dẫn đến việc thu hồi và xoay vòng vốn kinh doanh bị chậm.

**❖ Về dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Đơn vị là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn chậm trễ, có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của đơn vị trong quá trình thanh toán hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro. Như vậy, khi cần tổng hợp, xác định các khoản nợ của khách hàng sẽ gặp khó khăn.

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu

Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu

557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

**BÁO CÁO NỢ PHẢI THU**

Đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Tên khách hàng	Số tiền	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
1	Công ty hóa chất Soft - SCC	110.037.900		110.037.900		
2	Công ty TNHH MTV chế tạo đ.cơ diesel Bạch Đằng	277.012.750	277.012.750			
3	Công ty TNHH TM và xây lắp Quy Nhơn	278.243.172	278.243.172			
4	DNTN TM Đức Vượng	145.006.994			145.006.994	
5	Công ty CP Đầu tư và xây dựng đường thủy	767.030.467		767.030.467		
7	Cơ sở gia công Anh Tú	26.153.424				26.153.424
8	DNTN Trịnh Văn Thứ	33.721.938				33.721.938
	.....					
<b>Cộng</b>		<b>6.604.956.038</b>	<b>2.763.138.109</b>	<b>2.934.538.238</b>	<b>847.404.329</b>	<b>59.875.362</b>

**❖ Về hệ thống sổ sách kế toán:**

Hiện nay, doanh nghiệp theo dõi hạch toán các khoản doanh thu, giá vốn phân loại theo từng phòng ban. So sánh với nhiều đơn vị khác đều hạch toán các khoản này phân thành từng mặt hàng sản phẩm thì cách làm của doanh nghiệp cần xem xét lại. Cách làm của doanh nghiệp có ưu điểm là có thể dễ dàng so sánh khả năng làm việc của từng phòng ban từ đó đánh giá hiệu quả công việc của phòng ban đó trước đây và hiện tại hoặc giữa các phòng ban với nhau. Qua kết quả đạt được, doanh nghiệp sẽ có những điều chỉnh để đảm bảo bộ máy hoạt động của từng phòng ban ổn định và ngày càng cải thiện. Tuy nhiên vì có nhiều loại hàng hóa thì cách làm này khiến công việc đối chiếu, kiểm tra từng mặt hàng trở nên khó khăn, phức tạp hơn.

**❖ Về hạch toán lệ phí xăng dầu:**

Với các khoản lệ phí xăng dầu, đơn vị vẫn thực hiện hạch toán vào tài khoản 1388 – Phải thu khác. Nhưng hiện nay, theo thông tư 98/2001/TT-BTC, đơn vị nên hạch toán các khoản lệ phí xăng dầu vào tài khoản 3339 – Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác. Như vậy việc hạch toán trong đơn vị mới áp dụng đúng với quy định của Bộ tài chính đã ban hành.

**❖ Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Mặt hàng của đơn vị là các sản phẩm nguyên nhiên liệu vận hành, xăng dầu. Đây là những mặt hàng chịu sự biến động lớn của nền kinh tế thị trường với việc Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giá theo biến động giá thế giới đồng thời là các yêu cầu về quỹ bình ổn. Ngoài ra, các sản phẩm còn chịu tác động bởi giá điện nước và các thiết bị tăng giá do ảnh hưởng của biến động kinh tế nên giá trị hàng hóa của công ty cũng bị tác động theo. Tuy nhiên đơn vị chưa lập các khoản dự phòng nhằm tránh rủi ro phát sinh.

**3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu.**

Khi Việt Nam gia nhập WTO và bước chân gia nhập nền kinh tế thị trường, điều đó đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp thương mại cần phải có chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh để duy trì tốt hoạt động và có những bước tiến khả



quan trọng phát triển. Do vậy các doanh nghiệp cần hoàn thiện công tác kế toán vì bộ máy kế toán sẽ cung cấp những nguồn tin quan trọng và đáng tin cậy về tình hình tiêu thụ, lỗ lãi của doanh nghiệp cho ban lãnh đạo sử dụng.

### **3.2.1 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.**

Vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số vấn đề:

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các khoản chi tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.
- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và đầy đủ về mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

### **3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu.**

Qua quá trình thực tập tại đơn vị, nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn nhiều vấn đề hạn chế mà nếu khắc phục thì phần hành kế toán tại đơn vị sẽ được hoàn thiện hơn. Vì vậy, bài khóa luận xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

#### **➤ Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và ghi chép sổ sách kế toán.**

Công việc kế toán tại đơn vị vẫn thực hiện bằng tay. Điều này gây mất thời gian, dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót. Thêm vào đó do trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán chưa cao, một số còn thiếu kinh nghiệm. Để cải thiện hạn chế trên đơn vị nên xem xét:

Tiếp tục thực hiện công tác huấn luyện, đào tạo tay nghề để nâng cao khả năng đội ngũ nhân viên. Đối với số lượng nhân viên phòng kế toán nếu thấy còn thiếu, còn yếu chưa đủ hoàn thành công việc thì đơn vị nên tuyển thêm người đủ chuyên môn nghiệp vụ và có nhiều kinh nghiệm. Như vậy ngoài việc đảm bảo tiến độ công việc còn giúp các thành viên khác trong phòng có thể theo đó học hỏi kinh nghiệm, chuyên môn thực tế hàng ngày sẽ thúc đẩy trình độ tốt hơn.

Đơn vị nên áp dụng các phần hành kế toán nhằm giảm thiểu công việc gây tổn hao về sức người và thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc, dễ dàng trong chỉnh sửa khi có sai sót. Đơn vị có thể tham khảo lựa chọn trong rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng đáp ứng yêu cầu hỗ trợ công tác kế toán đạt hiệu quả như mong muốn như: Bit Accounting, BRAVO Accounting, CNS Accounting, Misa Accounting, FTS ACCOUNTING,...Ngoài ra, Nhà nước cũng cho phép các doanh nghiệp có thể đặt mua phần mềm kế toán riêng phù hợp điều kiện, mô hình đơn vị. Khi tiếp nhận phần mềm kế toán cần kịp thời hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt. Tuy nhiên với các phần mềm này đòi hỏi cần kiểm tra kỹ để đảm bảo đáp ứng đúng qui định của pháp luật mà Nhà nước đã ban hành.

Những giải pháp này đảm bảo đơn vị sẽ xây dựng được công tác kế toán hoàn thiện, chính xác, các nghiệp vụ phát sinh được ghi nhận kịp thời, nhanh gọn giúp báo cáo kế toán chính xác và có độ tin cậy cao.

### **➤ Kiến nghị 2: Áp dụng các chính sách chiết ưu đãi với khách hàng.**

Nền kinh tế thị trường mở cửa cho sự phát triển mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Vì vậy làm cách nào cạnh tranh lành mạnh, thu hút được khách hàng, giữ vững vị trí giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, lĩnh vực luôn là mối quan tâm của bất cứ doanh nghiệp nào. Việc đơn vị không áp dụng các chính sách ưu đãi khiến làm giảm lượng khách hàng, từ đó giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Đơn vị nên xây dựng chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại và định hướng tương lai để thu hút khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ vững lượng khách hàng cũ. Điều này nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận.

❶ **Chiết khấu thương mại** là số tiền bên mua được hưởng theo qui định của hợp đồng đã thỏa thuận dành cho khách hàng trong trường hợp khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, đơn vị sử dụng tài khoản 521 – chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại được xây dựng dựa trên việc tham khảo các chính sách chiết khấu của doanh nghiệp cùng ngành đã có nhiều kinh nghiệm kết hợp phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp theo từng thời kỳ nhất định.

**Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:**

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

**Phương pháp hạch toán**

✓ Khi thực hiện chiết khấu cho khách hàng:

Nợ TK 521:

Nợ TK 3331:

Có TK 131, 111, 112...

✓ Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thương mại thực sự phát sinh trong kỳ sang TK 511:

Nợ TK 511:

Có TK 521:

② **Chiết khấu thanh toán** là số tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp sớm hơn thời hạn ghi trong hợp đồng.

Ngoài thực hiện chiết khấu thương mại, việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cũng đem lại hiệu quả trong việc làm tăng lượng khách hàng, tăng doanh thu và thúc đẩy việc thu hồi vốn để tái sản xuất đầu tư.

Để hạch toán chiết khấu thanh toán, đơn vị sử dụng TK 635 – chi phí hoạt động tài chính.

**Chiết khấu thanh toán dựa trên những điểm sau:**

Đơn vị có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Đơn vị có thể tham khảo chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp đi trước kết hợp chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

Đơn vị cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp căn cứ đối với từng khách hàng dựa theo thời gian hoặc số lượng hàng hóa hoặc kết hợp cả 2 sao cho phù hợp điều kiện đơn vị.

**❖ Phương pháp hạch toán**

✓ Phản ánh các khoản chi phí đơn vị phải chịu do giảm trừ các khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước hạn:

Nợ TK 635:

Có TK 131, 111, 112,...

**➡ Kiến nghị 3: Về dự phòng phải thu khó đòi**

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán bị chậm trễ, thậm chí không có khả năng thanh toán sẽ gây nhiều rủi ro cho doanh nghiệp.

Để khắc phục vấn đề này, đơn vị nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng mất khả năng thanh toán.

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời gian thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp theo khả năng

đòi được nhiều hay ít. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng thất thu.

Dự phòng phải thu khó đòi = Nợ phải thu khó đòi x Số % khả năng thất thu

#### ❖ **Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

#### ❖ **Mức trích lập:** ( theo Thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- +100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

#### ❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 139 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

#### ❖ **Phương pháp hạch toán**

- ✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập

Nợ TK 642

Có TK 139

- ✓ Đến cuối năm tiếp theo, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước thì hạch toán chênh lệch vào chi phí.

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK 139

Có TK 642

✓ Nếu các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ:

Nợ TK 139: nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK 642: nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131

Có TK 138

Đồng thời ghi:

Nợ TK 004

✓ Đối với nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112,...

Có TK 711

Đồng thời ghi:

Có TK 004

**VD:** Dựa theo Báo cáo nợ phải thu tính đến ngày 31/12/2011, đơn vị tính toán và hạch toán như sau:

✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Theo số liệu tính toán được mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm tiếp theo là: 254.221.299 đồng, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau :

Nợ TK 642 : 254.221.299

Có TK 139 : 254.221.299

✓ Với các khoản nợ đã xác định không đòi được, đơn vị hạch toán xóa nợ:

Nợ TK 642 : 59.875.362

Có TK 131 : 59.875.362

**➤ Kiến nghị 4: Về hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán.**

Như phần trên đã trình bày, khi xác định doanh thu, giá vốn, đơn vị lựa chọn theo dõi cho từng bộ phận phòng ban. Đi cùng với đó là việc xác định số lượng tiêu thụ cũng theo từng bộ phận mà không mở theo dõi cho từng mặt hàng. Trong khi đó, đơn vị dù chuyên buôn bán xăng dầu nhưng đối với xăng dầu cũng phân ra làm nhiều chủng loại khác nhau, mỗi chủng loại lại có nhiều loại nhỏ phân theo thành phần phần trăm tỉ lệ xăng dầu chứa trong từng loại nguyên liệu.

Với cách theo dõi như trên, khi muốn đánh giá lượng tiêu thụ của từng loại mặt hàng sẽ gây khó khăn, mất thời gian khi phải tổng hợp lại nhiều sổ sách để xác định. Do vậy đơn vị nên áp dụng theo dõi các sản phẩm hàng hóa theo từng loại mặt hàng.

Với cách làm như vậy khi muốn tiếp tục đầu tư kinh doanh đơn vị có thể dễ dàng có số liệu cần thiết để biết đâu là sản phẩm đạt doanh thu cao để đẩy mạnh đầu tư kinh doanh đạt doanh thu cao hơn. Ngược lại với những mặt hàng có lượng tiêu thụ kém, nhu cầu của khách hàng ít hoặc bị giảm sút kết hợp với đánh giá xu hướng phát triển tiếp để đơn vị đưa ra quyết định có nên tiếp tục đầu tư hay nên giảm hoặc ngừng không kinh doanh mặt hàng đó nữa.

**Biểu 2.3:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG**

TK 511 – 51111

Tên sản phẩm: Dầu DO

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU'	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521, 531, 532)
						Nợ	Có		
		.....							
HĐ 0039520	03/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty TNHH Hoa Phượng	131	4.000	12.954,54		51.818.160		
HĐ 0039521	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty CP Màu Xanh	131	1.100	12.954,54		14.249.994		
HĐ 0039522	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Hải đoàn 128 – QC Hải quân	131	1.078	12.954,54		13.964.994		
		.....							
<b>HĐ 0039530</b>	<b>01/12/ 2011</b>	<b>Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM &amp; XD Đông Hải</b>	<b>131</b>	<b>1.350</b>	<b>12.954,54</b>		<b>17.488.630</b>		
		.....							
<b>CỘNG</b>						<b>12.083.360.337</b>	<b>12.083.360.337</b>		

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu 2:**

CN Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu  
 Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu  
 557 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S03A - DN  
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG**

TK 632 – 63211

Tên sản phẩm: Dầu DO

Từ ngày 01/10/2011

Đến ngày 31/12/2011

Đơn vị: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....					
PX 42/12	03/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty TNHH Hoa Phượng	156	4.000	12.659,97	52.639.880	
PX 43/12	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Cty CP Màu Xanh	156	1.100	12.659,97	13.925.967	
PX 44/12	04/12/ 2011	Xuất dầu DO – Phải thu của Hải đoàn 128 – QC Hải quân	156	1.078	12.659,97	13.647.448	
		.....					
PX 52/12	07/12/ 2011	Xuất dầu DO – phải thu Cty TNHH TM & XD Đông Hải	156	1.350	12.659,97	17.090.959	
		.....					
<b>CỘNG</b>						<b>11.808.793.737</b>	<b>11.808.793.737</b>

Ngày ... tháng ... năm ...

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**➤ Kiến nghị 5: Về việc hạch toán lệ phí xăng dầu**

Trong phần xác định doanh thu đã trình bày ở phần trước, đơn vị hạch toán khoản lệ phí xăng dầu vào TK 138(8). Nhưng theo những thay đổi mới hiện nay, khi hạch toán các khoản lệ phí xăng dầu, đơn vị nên chuyển từ hạch toán vào TK138(8) sang TK3339.

**❖ Phương pháp hạch toán**

Khi bán sản phẩm, hàng hóa, kế toán hạch toán các khoản giá vốn và doanh thu theo bút toán:

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 511:

Có TK 3331:

Có TK 3339:

**➤ Kiến nghị 6: Về dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Mặt hàng mà đơn vị kinh doanh là mặt hàng chịu nhiều ảnh hưởng theo biến động của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước. Đơn vị lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho giúp doanh nghiệp giảm thiểu tổn thất do biến động giá trị hàng hóa đồng thời hỗ trợ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp phát triển cùng lĩnh vực.

Để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán sử dụng TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**❖ Quy định khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại hàng hóa tồn kho.

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cho niên độ kế toán tiếp theo:

➤ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

➤ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

✓ Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu ghi:

Nợ TK 632               :

Có TK 159               :

✓ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK 632               :

Có TK 159               :

✓ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước nhưng chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 159               :

Có TK 632               :

## **Kết luận**

Đối với nền kinh tế hội nhập cùng thế giới, nền kinh tế Việt Nam càng có nhiều cơ hội phát triển đi đôi với nhiều trở ngại, khó khăn. Đối với mỗi doanh nghiệp, kiểm soát chi phí chính là một trở ngại nhưng nếu có quyết định đúng đắn trong các khoản chi sẽ đảm bảo doanh thu, tạo cơ hội phát triển. Hiệu quả sản xuất kinh doanh là một chỉ tiêu chất lượng tổng hợp phản ánh trình độ và thực chất hoạt động sản xuất doanh của doanh nghiệp, qua đó các nhà quản lý sẽ nắm được các yếu tố tích cực và yếu kém tồn tại trong sản xuất kinh doanh, tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả đó rồi từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm, đề ra các biện pháp khắc phục thích hợp để ngày càng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa, Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu đã có những thay đổi theo định hướng tích cực, doanh thu ổn định, hiệu quả ngày một cải thiện và có vị trí vững chắc, uy tín trên thị trường trong nước. Có được kết quả này là do sự nỗ lực của toàn thể cán bộ và công nhân viên trong xí nghiệp nhất là trong những năm gần đây. Bên cạnh đó xí nghiệp đã gặp không ít những khó khăn, vẫn còn một số điểm vẫn tồn tại cần có biện pháp giải quyết để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, đây chính là những thử thách để xí nghiệp tiếp tục tự khẳng định mình.

Do thời gian nghiên cứu và khả năng còn hạn chế nên bản khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp chỉ dẫn của các thầy cô giáo và của các cô chú trong phòng Kế toán - tài chính Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu – Chi nhánh công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu để bài khóa của em được hoàn thành và hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ đã tận tình hướng dẫn, góp ý cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại đơn vị tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Kế toán tài chính (NXB Thống kê)
2. Giáo trình Kế toán tài chính  
(Trường ĐH Tài chính – Kế toán Hà Nội)
3. Giáo trình Lý thuyết hạch toán kế toán  
(ĐH Kinh tế quốc dân - NXB tài chính)
4. Giáo trình kế toán công ty  
(Trường ĐH Tài chính – NXB ĐH Kinh tế quốc dân)
5. Lý thuyết và thực hành kế toán (NXB Tài chính Hà Nội)
6. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (NXB Tài chính)
7. Trang web: <http://webketoan.com>
8. Trang web: <http://kinhtenganh.co.cc>

# Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại.....	3
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	4
1.1.1.4 Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	5
1.1.1.4.1 Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp.....	5
1.1.1.4.2 Khái niệm doanh thu trong doanh nghiệp.....	6
1.1.1.5 Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.....	8
1.1.1.5.1 Bán hàng.....	8
1.1.1.5.2 Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại.....	9
1.1.1.6 Các phương thức thanh toán.....	11
1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	11
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	11
1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	18
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng.....	21

1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	26
1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	27
1.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng .....	27
1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	28
1.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	30
1.2.4.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	30
1.2.4.2 Kế toán chi phí tài chính .....	30
1.2.5 Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác .....	33
1.2.5.1 Kế toán thu nhập hoạt động khác .....	33
1.2.5.2 Kế toán chi phí khác .....	33
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	36
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kinh doanh nghiệp .....	39
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU .....</b>	<b>42</b>
2.1. Khái quát chung về đơn vị .....	42
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị .....	42
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. ....	43
2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của đơn vị .....	44
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu. ....	47
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán .....	47
2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp .....	50
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán .....	50
2.1.4.4 Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị. ....	50
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. ....	52

2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	52
2.2.1.1	Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng.....	52
2.2.1.2	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại đơn vị.....	53
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán .....	65
2.2.3	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng. ....	74
2.2.3.1	Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp.....	74
2.2.3.2	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	84
2.2.4	Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	91
2.2.4.1	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	91
2.2.4.2	Kế toán chi phí hoạt động tài chính, .....	91
2.2.4.3	Phương pháp hạch toán.....	92
2.2.5	Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	100
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI XÍ NGHIỆP KINH DOANH XĂNG DẦU – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CUNG ỨNG XĂNG DẦU.....		108
3.1	Đánh giá chung .....	108
3.1.1	Ưu điểm .....	108
3.1.2	Nhược điểm .....	110
3.2	Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu. ....	112
3.2.1	Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán ....	113
3.2.2	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu. ....	113
Kết luận.....		124
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....		125